

ĐẤT VẤN ĐỀ

Đất đai là nguồn tài nguyên vô cùng quý giá, là tư liệu sản xuất đặc biệt, là thành phần quan trọng hàng đầu của môi trường sống, là địa bàn phân bố các khu dân cư, xây dựng các cơ sở kinh tế, văn hoá, xã hội, an ninh, quốc phòng.

Luật Đất đai năm 2013 tại Mục 4, điều 22 quy định: Quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất là một trong 15 nội dung quản lý Nhà nước về đất đai.

Việc quy định nội dung lập Kế hoạch sử dụng đất hàng năm làm cơ sở thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất gắn với nhu cầu sử dụng đất trong năm của các ngành, lĩnh vực, của các cấp, phù hợp với khả năng đầu tư và huy động nguồn lực, khắc phục lãng phí trong việc giao đất cho thuê đất để thực hiện dự án đầu tư.

Ngoài ra, Luật còn quy định trong nội dung Kế hoạch sử dụng đất phải đồng thời xác định vị trí, diện tích đất thu hồi trong vùng phụ cận đối với dự án hạ tầng kỹ thuật, xây dựng, chỉnh trang khu đô thị, khu dân cư nông thôn để đấu giá quyền sử dụng đất thực hiện dự án nhà ở, thương mại, dịch vụ, sản xuất, kinh doanh nhằm tạo sự bình đẳng hơn, công bằng hơn trong sử dụng đất nói chung, trong vấn đề hưởng lợi từ quy hoạch sử dụng đất đem lại nói riêng.

Để quản lý sử dụng có hiệu quả nguồn tài nguyên đất đai, cụ thể hoá điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất năm 2020, kế hoạch sử dụng đất năm đầu của điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất thị xã Hương Thủy. Ủy ban nhân dân thị xã Hương Thủy đã chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường, các phòng ban liên quan, phối hợp cùng đơn vị tư vấn Trung tâm Kỹ thuật thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tiến hành lập “**Kế hoạch sử dụng đất năm 2016 của Thị xã Hương Thủy - tỉnh Thừa Thiên Huế**” để trình Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế phê duyệt.

Sản phẩm Kế hoạch sử dụng đất năm 2016 của thị xã Hương Thủy được lập thành 4 bộ hồ sơ (in trên giấy và dạng số), mỗi bộ gồm có:

1- Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2016 của thị xã Hương Thủy - tỉnh Thừa Thiên Huế;

2- Báo cáo thuyết minh Kế hoạch sử dụng đất năm 2016 của thị xã Hương Thủy - tỉnh Thừa Thiên Huế;

3- Bản đồ Kế hoạch sử dụng đất năm 2016 của thị xã Hương Thủy - tỉnh Thừa Thiên Huế, tỷ lệ 1/25.000;

Hồ sơ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất thị xã Hương Thủy được giao nộp và lưu trữ, công bố tại:

- Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Ủy ban nhân dân thị xã Hương Thủy;
- Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã.

1. Mục tiêu:

- Đánh giá đầy đủ hiện trạng sử dụng đất năm 2015 và phương hướng, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2016 thị xã Hương Thủy;

- Lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2016 trên địa bàn thị xã Hương Thủy đảm bảo sự phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; phù hợp với quy hoạch sử dụng đất năm 2020 và cũng như chỉ tiêu phân bổ kế hoạch sử dụng đất của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế cho thị xã Hương Thủy;

- Phân bổ diện tích các loại đất cho nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh trong năm kế hoạch 2016 đến từng đơn vị hành chính cấp xã, phường;

- Là cơ sở pháp lý quan trọng để thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, ... phục vụ cho mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh của địa phương trong năm 2016;

- Làm cơ sở để UBND thị xã Hương Thủy cân đối giữa các khoản thu ngân sách từ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất; các loại thuế liên quan đến đất đai và các khoản chi cho việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trong năm 2016.

2. Phạm vi và giới hạn nghiên cứu

Nghiên cứu lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất toàn thị xã Hương Thủy với diện tích 45.465,98 ha, bao gồm 03 nhóm đất chính: [1]- nhóm đất nông nghiệp; [2]- nhóm đất phi nông nghiệp và [3]- nhóm đất chưa sử dụng.

3. Cơ sở lập Kế hoạch sử dụng đất

3.1. Cơ sở pháp lý

- Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;
- Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;
- Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh và thẩm định quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

- Thông tư số 28/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ TNMT về việc "Quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất";

- Hướng dẫn số 450/STNMT-QLĐĐ ngày 26 tháng 5 năm 2014 về việc hướng dẫn lập, thẩm định và phê duyệt kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện, thị xã, thành phố;

- Nghị quyết số 08/2014/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2016

- Nghị quyết số 15/2014/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về việc thông qua danh mục các công trình, dự án cần thu hồi đất trên địa bàn tỉnh năm 2016; cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ và đất rừng đặc dụng sang sử dụng vào mục đích khác để thực hiện các dự án năm 2016.

- Nghị quyết số 04/2015/NQ-HĐND ngày 18 tháng 12 năm 2015 của Hội đồng nhân dân thị xã Hương Thủy về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2016.

- Công văn số 2574/UBND-ĐC ngày 28 tháng 5 năm 2015 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và lập kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016 – 2020) cấp tỉnh;

3.2. Cơ sở thực tiễn, thông tin và bản đồ

- Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2011-2015) của tỉnh Thừa Thiên Huế (*Nghị quyết số 53/NQ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ*);

- Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015) của thị xã Hương Thủy (*Quyết định số 654/QĐ-UBND ngày 04 tháng 04 năm 2014 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế*);

- Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thị xã Hương Thủy đến năm 2020 (*Quyết định số 280/QĐ-UBND ngày 24 tháng 02 năm 2012 Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế*);

- Kết quả thống kê, kiểm kê đất đai hàng năm từ 2011 đến 2015;

- Báo cáo Ban chấp hành Đảng bộ thị xã Hương Thủy khóa XIV trình Đại hội Đại biểu Đảng bộ khóa XV nhiệm kỳ 2015-2020 và nhiệm kỳ 2015-2020;

- Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh giai đoạn 2010 - 2015 của thị xã Hương Thủy;

- Kết quả thực hiện các chương trình, dự án, các nghiên cứu của Trung ương và địa phương có liên quan đến sử dụng đất trên địa bàn thị xã.

4. Bố cục của Báo cáo thuyết minh

Báo cáo Kế hoạch sử dụng đất năm 2016 thị xã Hương Thủy gồm các phần chính sau:

Đặt vấn đề

I. Khái quát về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội

II. Kết quả thực hiện Kế hoạch sử dụng đất năm trước

III. Kế hoạch sử dụng đất năm 2016

IV. Giải pháp tổ chức thực hiện Kế hoạch sử dụng đất

Kết luận và kiến nghị.

I. KHÁI QUÁT VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI

1.1. Điều kiện tự nhiên

1.1.1. Vị trí địa lý

Thị xã Hương Thủy có diện tích tự nhiên là 45.465,98 ha (Ngoài ra còn phần diện tích chồng lấn địa giới với thành phố Huế là 98.85ha); nằm giáp phía Đông Nam thành phố Huế, có tọa độ địa lý từ: 16°08' đến 16°30' vĩ độ Bắc; 107°30' đến 107°45' kinh độ Đông. Ranh giới hành chính:

- + Phía Bắc giáp thành phố Huế và huyện Phú Vang
- + Phía Nam giáp huyện Nam Đông
- + Phía Đông giáp huyện Phú Lộc
- + Phía Tây giáp huyện A Lưới và thị xã Hương Trà

Với vị trí đặc biệt thuận lợi: là cửa ngõ phía Đông Nam và là cầu nối giữa hai trung tâm kinh tế lớn của miền Trung (thành phố Huế và thành phố Đà Nẵng), có tuyến quốc lộ huyết mạch 1A, tuyến đường sắt thống nhất Bắc Nam, sân bay quốc tế Phú Bài đã tạo nên những điều kiện thuận lợi để thị xã thu hút đầu tư phát triển mạnh về kinh tế - văn hoá - xã hội trong thời gian tới.

1.1.2. Địa hình địa mạo

Địa hình của thị xã thấp dần từ Tây Nam sang Đông Bắc, được chia thành 2 vùng với đặc điểm khác biệt về điều kiện địa hình.

- Vùng đồi núi: chiếm phần lớn diện tích đất tự nhiên của thị xã (khoảng 76,33%), nằm về phía Tây Nam quốc lộ 1A, bao gồm các xã: Dương Hoà, Phú Sơn và một phần ở các xã Thủy Bằng, Thủy Phù; các phường Thủy Dương, Thủy Phương, Thủy Châu, Phú Bài. Vùng này gồm những dải đồi với độ cao trung bình từ 400 – 500 m. Địa hình đồi núi được thể hiện rõ nét nhất ở khu vực phía Tây Nam của thị xã (chủ yếu là ở hai xã Dương Hoà và Phú Sơn).

- Vùng đồng bằng: nằm về phía Đông Bắc của quốc lộ 1A, bao gồm các phường, xã: Thủy Vân, Thủy Thanh, Thủy Lương, Thủy Châu, Thủy Phù Thủy Tân..., chiếm 23,67% diện tích tự nhiên của thị xã. Vùng này có địa hình thấp dần theo hướng Đông Nam, độ cao trung bình từ 2 - 5 m so với mặt nước biển.

1.1.3. Khí hậu

Thị xã Hương Thủy là nơi tiếp giáp giữa hai vùng khí hậu Nam - Bắc, nên phải chịu ảnh hưởng khí hậu của cả 2 miền, với địa hình đặc biệt nên vừa chịu ảnh hưởng của khí hậu ven biển lại vừa có khí hậu của vùng núi cao, trong năm có hai mùa rõ rệt: mùa mưa từ tháng 8 đến tháng 2 năm sau, mùa nắng từ tháng

3 đến tháng 7.

- Nhiệt độ:

+ Chia hai mùa rõ rệt, mùa khô nóng và mùa mưa ẩm lạnh; nhiệt độ trung bình năm từ 24 – 25⁰C.

+ Mùa nóng: từ tháng 3 đến tháng 8, chịu ảnh hưởng của gió Tây Nam nên khô nóng, nhiệt độ cao. Nhiệt độ trung bình của các tháng nóng từ 27 – 29⁰C, tháng nóng nhất (tháng 5, 6) có khi tới 38 – 40⁰C.

+ Mùa lạnh: từ tháng 10 đến tháng 2 năm sau, chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc nên mưa nhiều, trời lạnh. Nhiệt độ bình quân về mùa lạnh từ 20 – 22⁰C, tháng có nhiệt độ thấp nhất (tháng 1) nhiệt độ có khi xuống dưới 18⁰C.

- Mưa: Mưa biến động thất thường qua các năm về lượng và thời gian, trung bình từ 1.900 - 3.200 mm/năm.

- Độ ẩm không khí:

+ Độ ẩm cao nhất là tháng 2

+ Độ ẩm thấp nhất là tháng 7

- Gió: các hướng gió chính là gió Đông Nam, Tây Nam, Tây Bắc, Đông Bắc

+ Gió Đông Nam, Tây Nam xuất hiện vào tháng 4 đến tháng 9

+ Gió Tây Bắc, Đông Bắc xuất hiện từ tháng 9 đến tháng 3, thường có bão vào tháng 9, 10, 11.

Thị xã chịu ảnh hưởng sâu sắc của khí hậu vùng Bắc Trung bộ: bão với tần suất cao, mưa nhiều cường độ mạnh, lũ lụt thường xuyên xảy ra, gió Tây Nam khô nóng đã gây trở ngại rất lớn cho sản xuất và sinh hoạt của nhân dân. Vì vậy vấn đề đặt ra là cần phải có các biện pháp phòng tránh và giảm nhẹ hậu quả thiên tai.

1.1.4. Thủy văn

Chế độ thủy văn của thị xã chịu ảnh hưởng của các sông: Tả Trạch, Lợi Nông, Như Ý... và các hồ chứa nước lớn trên địa bàn thị xã (Hồ Châu Sơn, Hồ Phú Bài...).

- Sông Tả Trạch: dài 70 km, diện tích lưu vực sông là 1.800 km². Trên địa phận Hương Thủy, sông Tả Trạch chảy qua các xã ở trung lưu như: Thủy Bằng, Dương Hòa với chiều dài khoảng hơn 30 km. Lãnh thổ Hương Thủy chiếm hơn 1/5 diện tích lưu vực của sông Tả Trạch.

- Sông Lợi Nông: chảy qua cánh đồng của các phường, xã: Thủy Dương, Thủy Phương, Thủy Châu. Tại Thủy Châu, sông Lợi Nông hợp vào nguồn Đại

Giang. Chiều dài của sông Lợi Nông khoảng 8 km, tuy nhỏ song sông Lợi Nông đóng vai trò rất quan trọng trong việc tưới tiêu, đi lại bằng thuyền đò của người dân Hương Thủy và cả khu vực. Sông Lợi Nông có chế độ nước không phụ thuộc hoàn toàn vào chế độ nước của sông Hương.

- Sông Như Ý: là một nhánh của hạ lưu sông Hương, có tác dụng phân tán nước về phía Đông trên vùng đồng bằng huyện Phú Vang và thị xã Hương Thủy. Chiều dài của sông chảy trên địa phận Hương Thủy khoảng 13 km (chảy qua các phường, xã: Thủy Vân, Thủy Thanh). Cũng như sông Lợi Nông, chế độ nước của sông Như Ý không hoàn toàn phụ thuộc vào chế độ nước của sông Hương.

- Sông Đại Giang chảy qua địa bàn các phường, xã: Thủy Lương, Thủy Tân, Thủy Phù.

- Ngoài ra trên địa bàn thị xã còn có sông Phú Bài bắt nguồn từ hồ Phú Bài chảy qua địa phận Thủy Phù nối với sông Đại Giang; sông Vực bắt nguồn từ hồ Châu Sơn chảy qua địa phận phường Thủy Châu, Thủy Phương và nối với sông Lợi Nông.

1.2. Các nguồn tài nguyên

1.2.1. Tài nguyên đất

Theo kết quả điều tra thổ nhưỡng với tổng diện tích điều tra chiếm 95,66% diện tích tự nhiên cho thấy đất đai của thị xã được chia thành các loại đất chính sau.

a) Nhóm đất phù sa: có diện tích khoảng 3.326,60 ha, chiếm 7,26% diện tích tự nhiên. Nhóm này được phân bố ven các sông Tả Trạch, Phú Bài, Khe Lụ bao gồm:

- Đất phù sa được bồi hàng năm (Pb): có diện tích khoảng 2.399 ha, chiếm 5,24% diện tích tự nhiên (tập trung chủ yếu ở các phường, xã: Thủy Vân, Thủy Thanh, Thủy Tân, Thủy Châu...). Đất này được hình thành do quá trình lắng đọng phù sa. Ở Hương Thủy do các dòng chảy ngắn và dốc nên sản phẩm bồi tích thường thô, thành phần cơ giới nhẹ.

- Đất phù sa ít được bồi (Pi) và đất phù sa không được bồi hàng năm (Pk): có diện tích khoảng 924,60 ha, chiếm 2,02% diện tích tự nhiên (tập trung chủ yếu ở các phường Thủy Phương, Thủy Dương...). Đất có nguồn gốc hình thành như đất phù sa được bồi hàng năm nhưng do phân bố xa sông hoặc do ở địa hình cao nên hiện nay rất ít hoặc không được bồi. Nhìn chung đất này có thành phần cơ giới nặng (từ thịt nhẹ đến đất sét), độ phì trung bình, hàm lượng mùn từ trung bình đến khá.

Đây là nhóm đất tốt, có ý nghĩa quan trọng trong sản xuất nông nghiệp, thích hợp với nhiều loại cây trồng như: lúa, ngô, lạc, đậu, ...

b) Đất biến đổi do trồng lúa (Lp): có diện tích 3.433,00 ha. Loại đất này phân bố chủ yếu ở vùng đồng bằng, độ dốc nhỏ hơn 30^0 . Đất này được hình thành do sản phẩm phong hoá đá mẹ khác nhau và được cải tạo thành những chân ruộng trồng lúa hiện nay.

c) Đất đỏ vàng trên đá sét (Fs): có diện tích khoảng 31.934,70 ha, chiếm 69,82% diện tích tự nhiên. Đây là loại đất có diện tích lớn nhất, phân bố ở nhiều cấp địa hình khác nhau, song phần lớn có ở địa hình dốc ($> 15,0^0$). Đất này được hình thành do sản phẩm phong hoá của đá sét (thuộc nhóm đá trầm tích). Đất có màu đỏ vàng, thành phần cơ giới nặng, độ phì tự nhiên trung bình, khả năng thấm nước và giữ nước tốt tập trung ở các xã: Thủy Bằng, Dương Hoà, Phú Sơn.

d) Đất nâu vàng trên phù sa cổ (Fp): có diện tích khoảng 2.568,90 ha, chiếm 5,61% diện tích tự nhiên. Đất được hình thành trên sản phẩm lắng đọng của phù sa sông nhưng do biến động địa chất nên được nâng lên thành dạng địa hình lượn sóng nhẹ. Đất có thành phần cơ giới nhẹ, độ phì tự nhiên nghèo. Loại đất này phân bố ở các vùng bậc thềm cao tiếp giáp giữa đồng bằng và miền núi và có ở cả phường, xã: Thủy Dương, Thủy Phương, Thủy Châu, Thủy Phù.

e) Đất cát (C): có diện tích 34,70 ha, chiếm 0,80% diện tích tự nhiên. Đất này phân bố rải rác ở một số vùng thuộc các phường, xã: Thủy Lương, Thủy Tân.

f) Đất xói mòn trơ sỏi đá (E): có diện tích 1.561,80 ha, chiếm 3,41% diện tích tự nhiên. Đất này phân bố trên các loại đá mẹ khác nhau do nhiều nguyên nhân khác nhau mà từ đất tốt nay bị xói mòn trơ sỏi đá. Loại đất này chỉ có khả năng sử dụng cho sản xuất vật liệu xây dựng hoặc trồng rừng. Phân bố chủ yếu ở các xã: Thủy Bằng, Phú Sơn, Thủy Phù và phường Phú Bài.

1.2.2. Tài nguyên nước

Nước phục vụ cho sản xuất và sinh hoạt cho nhân dân trong thị xã được lấy từ 2 nguồn: nước mặt và nước ngầm.

- Nguồn nước mặt:

Nguồn nước mặt chủ yếu là nước mưa được lưu trữ trong các ao, hồ, kênh mương, mặt ruộng. Ngoài ra còn có nguồn nước của các con sông được điều tiết qua hệ thống thủy nông cung cấp nước tưới cho đồng ruộng.

- Nguồn nước ngầm:

Nguồn tài nguyên nước ngầm của Hương Thủy đã được điều tra thăm dò, nghiên cứu kỹ. Kết quả cho thấy ở vùng ven đồi, vùng đồng bằng, nguồn nước ngầm khá phong phú, nhất là vùng Phú Bài và các khu vực rìa đồi Bắc Nam. Tầng chứa nước chính nằm ở độ sâu khá lớn, từ 20 m trở xuống. Kết quả bơm thí nghiệm cho thấy tầng này giàu nước, nước nhạt, có ý nghĩa trong việc cung cấp nước cho sản xuất và sinh hoạt một cách đều đặn, thường xuyên trong năm. Trữ lượng nước cung cấp ước tính trên 10.000 m³/ngày.

1.2.3. Tài nguyên rừng

Theo kết quả thống kê đất đai thì tổng diện tích đất lâm nghiệp của thị xã hiện có 28.365,86 ha, chiếm 62,20% diện tích tự nhiên của thị xã, trong đó có 16.673,38 ha đất rừng sản xuất, 10.706,88 ha rừng phòng hộ và 985,60 ha rừng đặc dụng. Các loại thực vật hiện có trên địa bàn thị xã khá phong phú như: keo lá tràm, keo tai tượng, lồ ô, thông nhựa và các loại cây bản địa như trám, sao đen... Với một vùng có đặc trưng về địa hình, khí hậu thì rừng và thảm thực vật tự nhiên có vai trò quan trọng trong việc bảo vệ đất đai, tài nguyên và cảnh quan môi trường.

1.2.4. Tài nguyên khoáng sản và vật liệu xây dựng

Tài nguyên khoáng sản ở Hương Thủy cho đến nay đã được điều tra, khoan thăm dò cho thấy hầu hết các loại khoáng sản đều nằm ở vùng đồng bằng và vùng đồi núi phía Tây của thị xã. Tài nguyên khoáng sản của thị xã được chia thành hai nhóm: nhóm khoáng sản kim loại và nhóm khoáng sản phi kim loại.

a) Nhóm khoáng sản kim loại

+ Vàng sa khoáng: đây là khoáng sản ngoại sinh, gặp khá phổ biến ở các lưu vực sông, chủ yếu là dọc thung lũng và khe suối (dọc thung lũng khe suối của sông Tả Trạch) nhìn chung trữ lượng vàng ở Hương Thủy không đáng kể.

+ Sắt: được phát hiện ở nhiều nơi tại vùng đồi núi, từ sông Tả Trạch về phía Đông. Có hai dải đồi núi chứa sắt chính:

- Dải đồi núi dọc bờ Đông sông Tả Trạch, từ núi Đá Đen giáp Phú Lộc đến Khe Lâu, kéo dài hơn 7 km và rộng từ 500 - 1.000m. Nhìn chung hàm lượng sắt ở đây khá cao từ 45 - 50%.

- Dải quặng phân bố ở vùng phía Tây xã Thủy Phù. Dải quặng này đã

được phát hiện, sử dụng từ lâu song chưa được đánh giá về trữ lượng.

b) Nhóm khoáng sản phi kim loại - sét

Kết quả điều tra thăm dò cho thấy, hàm lượng sét ở Hương Thủy có khoảng 300.000 m³, được phân bố ở hai điểm chính: Hồ Châu Sơn và phường Phú Bài, sét ở đây có giá trị sử dụng cao trong công nghệ đồ gốm sứ, sản xuất vật liệu xây dựng và làm chất phụ gia xà phòng.

- Điểm sét hồ Châu Sơn (Thủy Châu, Thủy Phương): nằm về phía Nam núi Châu Sơn, cách quốc lộ 1A về phía Tây khoảng 1,00 km. Theo kết quả điều tra nghiên cứu cho thấy sét ở đây được hình thành tại chỗ, do phong hóa từ đá phiến sét. Trữ lượng xác định sơ bộ khoảng 64.000 tấn, chất lượng sét tốt, hiện đang được khai thác sử dụng.

- Điểm sét Phú Bài: chạy dài theo hướng Tây Bắc - Đông Nam về phía Tây phường Phú Bài. Sét ở đây có thể sử dụng làm nguyên liệu sứ, sản xuất gạch ngói, làm chất phụ gia xà phòng, trữ lượng theo đánh giá ước khoảng 295.000 m³.

Nhìn chung điểm sét ở hồ Châu Sơn và Phú Bài có điều kiện khai thác dễ dàng do địa hình dốc, thoát nước tốt, tầng sét cần khai thác chỉ bị phủ một lớp cát mỏng hoặc lộ thiên, cả hai khu vực này đều gần với quốc lộ 1A và các trục đường liên thị xã.

1.2.5. Tài nguyên du lịch

Trên địa bàn thị xã Hương Thủy có nhiều di tích lịch sử văn hoá (trong đó 6 di tích đã được Nhà nước xếp hạng), bao gồm hệ thống lăng tẩm của các vua triều Nguyễn; hệ thống các chùa chiền, cơ sở thờ tự của các dòng họ trên địa bàn thị xã khá nhiều; một số công trình có kiến trúc đẹp có giá trị; khu vui chơi giải trí, suối nước nóng...

Một số khu di tích lịch sử, văn hóa có giá trị, có tiềm năng khai thác phát triển du lịch và dịch vụ như:

- Hệ thống lăng tẩm của các vua Triều Nguyễn như Lăng Thiệu Trị, Khải Định, Hiếu Đông; hệ thống chùa chiền, đặc biệt là Đan viện Thiên An, hồ Thủy Tiên, Tượng Đức Bà Quán Thế Âm (Thủy Bằng), Chùa Sư Nữ (Thủy Dương) tạo thành các điểm du lịch có sức hấp dẫn du khách.

- Đình làng Vân Thê (Thủy Thanh), Đình làng Hoà Phong là những công trình kiến trúc đẹp; đặc biệt Cầu Ngói Thanh Toàn (Thủy Thanh) được xây dựng từ 1776, có kiến trúc nghệ thuật độc đáo; Chiến khu Dương Hoà là di tích lịch sử chống xâm lược... Các di tích cần được bảo tồn và đưa vào khai thác du lịch.

1.2.6. Tài nguyên nhân văn

Trải qua bao thăng trầm theo các triều đại: Trần, Hồ, Lê, Trịnh, Nguyễn, vùng đất Hương Thủy dần dần đi vào lịch sử giữ làng giữ nước của mình với sự di dân ngày càng tăng của người Việt ở các tỉnh phía Bắc “Chính những người di cư này đã đóng vai trò quan trọng trong công việc khai phá đất hoang, lập làng mới”. Nền văn hóa lâu đời của Hương Thủy đa dạng và phong phú, có rất nhiều nét độc đáo mang đậm đà bản sắc dân tộc. Ngày nay các phong tục tập quán lành mạnh của người dân Hương Thủy vẫn đang được tích cực bảo tồn và phát triển.

Đến nay toàn thị xã có 26 di tích lịch sử và danh lam thắng cảnh đã được UBND tỉnh ra quyết định công nhận, trong đó có 6 di tích lịch sử văn hóa đã được Nhà nước công nhận: Đình làng Thủy Dương (phường Thủy Dương), Đình làng Vân Thê (xã Thủy Thanh), phủ thờ Tôn Thất Thuyết (xã Thủy Thanh), cầu ngói Thanh Toàn (xã Thủy Thanh); đình làng Dạ Lê (xã Thủy Vân), đình làng Hoà Phong (xã Thủy Tân). Hiện nay UBND thị xã và Sở Văn hóa thông tin tỉnh Thừa Thiên Huế đang đề nghị Nhà nước xếp hạng di tích lịch sử đình làng Phù Bài (xã Thủy Phù).

Với lịch sử văn hiến, truyền thống cách mạng, người dân trong thị xã luôn có ý thức tự lực tự cường, khắc phục mọi khó khăn, kế thừa và phát huy những kinh nghiệm, thành quả đạt được trong lao động sản xuất. Tiềm năng về nguồn tài nguyên nhân văn hiện có thực sự là động lực để Hương Thủy có những điều kiện thuận lợi phát triển nền kinh tế - văn hóa - xã hội trong những năm tới.

1.3. Thực trạng phát triển kinh tế - xã hội năm 2015

1.3.1. Thực trạng phát triển các ngành kinh tế

1.3.1.1. Khu vực kinh tế nông nghiệp

Nông nghiệp phát triển toàn diện, sản lượng lương thực có hạt bình quân đạt 39.189,6 tấn/năm. trong đó sản lượng thóc 39.062,7 tấn, năng suất bình quân cả năm là 62,3 tạ/ha; tỷ lệ sử dụng giống lúa xác nhận đạt 96%. Ngoài ra, trồng được 145 ha sắn, 35 ha ngô, 204 ha khoai lang; 267 ha rau, đậu các loại.

Từng bước thực hiện cơ giới hoá trong nông nghiệp; đến nay, khâu làm đất, thu hoạch và vận chuyển được cơ giới hóa 100%. Xây dựng và thực hiện thành công nhiều mô hình sản xuất nông nghiệp có hiệu quả kinh tế như cải tạo vườn thanh trà ở xã Dương Hòa, Thủy Bằng; cánh đồng mẫu lúa chất lượng cao và lúa giống; trồng chuối nuôi cấy mô tại xã Thủy Phù; trình diễn kỹ thuật sản xuất nấm Linh chi... Chăn nuôi được quy hoạch phát triển theo hướng tập trung hình thành các trang trại, gia trại. Tổng đàn bò 2.046 con, đạt 111,4% kế hoạch; đàn trâu 1.336 con, đạt 101,4% kế hoạch; đàn lợn 23.914 con, bằng 92% kế

hoạch; đàn gia cầm là 293.000 con, giảm 5,6%; thả nuôi được 550 ha cá nước ngọt, đạt 97,2% diện tích. Về lâm nghiệp sản lượng khai thác gỗ rừng trồng đạt 22.300 m³, tăng 25,4% so với cùng kỳ; trồng mới khoảng 297 ha, tăng 37,5% so với cùng kỳ.

1.3.1.2. Khu vực kinh tế dịch vụ

Các hoạt động dịch vụ, thương mại trên địa bàn thị xã vẫn được duy trì phát triển... Công tác quản lý hoạt động kinh doanh được tăng cường, nhất là dọc tuyến đường Nguyễn Tất Thành, các Tỉnh lộ, khu trung tâm và các chợ... hiện nay có hơn 4.480 cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ đạt 2.610 tỷ đồng, doanh thu dịch vụ lưu trú và ăn uống đạt 156 tỷ đồng. Đã thực hiện chuyển đổi mô hình quản lý chợ cho 7/13 chợ của thị xã; đang chỉ đạo lập phương án đền bù và di dời chợ Phú Bài hiện nay vào chợ mới (hiện đã đầu tư xây dựng cơ bản hoàn chỉnh các hạng mục).

Sản lượng vận tải hàng hóa đạt 2,6 triệu tấn, vận tải hành khách đạt 3,35 triệu hành khách. Doanh thu từ hoạt động vận tải đạt 374 tỷ đồng. Dịch vụ tài chính ngân hàng, bưu chính - viễn thông... phục vụ tốt nhu cầu sản xuất và đời sống của nhân dân.

Giá trị sản xuất ngành dịch vụ thực hiện 1.140 tỷ đồng, đạt 100,34% kế hoạch, tăng 15,73%.

1.3.1.3. Khu vực kinh tế Công nghiệp - xây dựng

Hoạt động sản xuất công nghiệp, xây dựng trên địa bàn thị xã đạt được những kết quả tích cực, một số sản phẩm phát triển khá. Lĩnh vực tiêu thủ công nghiệp và ngành nghề nông thôn phát triển, tập trung vào các ngành, nghề: sản xuất vật liệu xây dựng, đồ gỗ, cơ khí nhỏ, chế biến, mộc, chổi đót, tăm hương,... được khuyến khích, hỗ trợ để phát triển góp phần tạo việc làm ổn định cho lao động nông thôn.

Kim ngạch xuất khẩu thực hiện 490 triệu USD, đạt 100% KH (chủ yếu là các Doanh nghiệp trong KCN Phú Bài).

Giá trị sản xuất ngành Công nghiệp - Xây dựng thực hiện 12.130 tỷ đồng, đạt 100,03% KH, tăng 12,78%.

1.3.2. Thực phát triển cơ sở hạ tầng

Năm 2015, UBND thị xã phê duyệt và bố trí vốn thực hiện 49 công trình với tổng mức đầu tư 94,688 tỷ đồng, đã bố trí vốn 60,72 tỷ đồng. Đã có 34/49 công trình hoàn thành đưa vào sử dụng, các công trình còn lại đang tích cực đôn đốc thực hiện.

Ngoài ra, đã tiến hành kiểm tra, duy tu, sửa chữa một số tuyến đường chính trên địa bàn thị xã, hệ thống đèn điện chiếu sáng công cộng thuộc tuyến đường Nguyễn Tất Thành và các tuyến đường nội thị nhằm đảm bảo an toàn giao thông và duy trì công năng sử dụng.

1.3.2.1. Hệ thống giao thông

Hệ thống giao thông trên địa bàn thị xã khá thuận lợi, bao gồm cả đường bộ, đường hàng không, đường sắt và đường thủy. Trong năm qua hệ thống giao thông trên địa bàn thị xã tiếp tục đầu tư nâng cấp, hoàn thiện. Đã thực hiện các công trình, dự án mới gồm: dự án mở rộng Quốc lộ 1A đoạn qua địa bàn thị xã; trạm thu phí tại xã Thủy Phù, đường Trường Chinh nối dài và đường đầu nối 60m từ đường Phạm Văn Đồng đến đường Võ Văn Kiệt.

1.3.2.2. Hệ thống thủy lợi

Hệ thống thủy lợi trong năm qua tiếp tục đầu tư nâng cấp như xây dựng đường và cầu hồ Châu Sơn, dự án Tuyến ống truyền tải nước sạch cho nhà máy bia Huda - Khu công nghiệp Phú Bài, nâng cấp và kiên cố hóa hệ thống kênh mương...

1.3.2.3. Hệ thống điện

- Lưới điện cao và hạ thế được đầu tư cải tạo. Lưới điện chiếu sáng hiện đã được xây dựng trên hầu hết các trục đường chính của đô thị. Tỷ lệ hộ dùng điện hiện nay đạt gần 100%.

1.3.2.4. Văn hóa, thể thao

Tổ chức tốt các chương trình văn hóa, văn nghệ, thể thao phục vụ nhân dân trong dịp mừng Đảng, mừng Xuân; hoạt động tuyên truyền, cổ động, chào mừng kỷ niệm các ngày lễ lớn của đất nước, các sự kiện lớn của tỉnh và địa phương. Tập trung thời lượng tuyên truyền chào mừng Đại hội Đảng các cấp; Chương trình phát thanh, trang tin, trang truyền hình địa phương được thực hiện tốt, phản ánh kịp thời tình hình kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng của địa phương.

- Về xây dựng đời sống văn hóa: Công tác xây dựng làng, cơ quan văn hóa, gia đình văn hóa được duy trì; bổ sung chính sách dân số vào quy ước, hương ước. Toàn thị xã có 12/12 xã, phường được khen thưởng về xây dựng xã, phường văn hoá; 124/132 thôn, tổ dân phố đạt chuẩn văn hoá; tỷ lệ 93,9%; 23.473 gia đình đạt chuẩn văn hóa trên tổng số 24.700 gia đình đăng ký, chiếm tỷ lệ 97,8%. Tổ chức triển khai đề án xây dựng nếp sống văn minh đô thị và nông thôn.

Soát xét lập hồ sơ đề nghị công nhận di tích lịch sử như: Chiến khu Dương Hòa, Ấp Tư Mỹ Thủy (Thủy Phương) và Đền Văn Thánh (Thủy Thanh). Chỉ đạo kiểm tra công tác quản lý bảo vệ, phòng chống bão lụt đối với di tích;

kiểm tra, chấn chỉnh tình hình an ninh trật tự, bảo vệ cảnh quan môi trường tại các điểm du lịch, cơ sở lưu trú du lịch; kiểm tra, quản lý tốt các hoạt động dịch vụ văn hóa, thông tin truyền thông, vui chơi giải trí trên địa bàn.

1.3.2.6. Giáo dục – đào tạo, khoa học công nghệ

Hệ thống mạng lưới trường lớp, cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy và học tiếp tục được đầu tư, mở rộng; chất lượng dạy và học tiếp tục được nâng cao. Đã chú trọng đào tạo, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục. Năm học 2015-2016 đã huy động 99,8% trẻ 5 tuổi đến trường, 98,9% trẻ trong nhà trường được chăm sóc, giáo dục theo chương trình giáo dục Mầm non mới (180/182 nhóm lớp); 12/12 xã, phường tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập Mầm non cho trẻ 5 tuổi, Tiểu học, THCS và chống mù chữ; thị xã Hương Thủy được UBND tỉnh Thừa Thiên Huế, Bộ GD&ĐT kiểm tra và công nhận đạt chuẩn Phổ cập MN cho trẻ 5 tuổi năm 2015. Công tác đào tạo, bồi dưỡng học sinh giỏi tiếp tục được thực hiện ở cấp THCS; đẩy mạnh việc triển khai Đề án dạy và học môn ngoại ngữ giai đoạn 2012-2016 và định hướng đến năm 2020 theo kế hoạch.

Công tác kiểm định chất lượng giáo dục được chú trọng, đã được Sở GD&ĐT công nhận đạt tiêu chuẩn Chất lượng giáo dục 11 trường (07 trường Mầm non, 02 trường TH, 02 trường THCS); có 27/46 trường đạt tiêu chuẩn Chất lượng giáo dục, đạt 58,69%.

Công tác xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia: Đã được công nhận mới thêm 03 trường: MN Bình Minh, MN Thủy Vân, TH Thanh Tân; công nhận lại 03 trường: TH Số 2 Thủy Châu, Trường TH Số 1 Thủy Phù và THCS Thủy Dương và 04 trường: MN Thủy Thanh 2, MN Thủy Tân, MN Dương Hòa và THPT Hương Thủy đang thẩm định hồ sơ trình UBND tỉnh quyết định công nhận, ước thực hiện 7/7 trường đạt chuẩn quốc gia trong năm 2015 (đạt 100%KH), nâng tổng số lên 34/48 trường đạt chuẩn quốc gia, tỉ lệ 70,83%. Trong đó: 08/18 trường mầm non, 15/17 trường tiểu học, 07/09 trường THCS, 02/02 trường TH&THCS, 02/02 trường THPT.

Hoạt động nghiên cứu, triển khai, ứng dụng khoa học công nghệ từng bước bám sát các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của Thị xã. Tập trung huy động nguồn lực, ngân sách nhà nước hỗ trợ nghiên cứu, ứng dụng các mô hình, đề tài, dự án khoa học và công nghệ, phục vụ sản xuất, đời sống nhân dân, nhất là trong lĩnh vực nông nghiệp, góp phần tạo sự chuyển biến rõ rệt về năng suất, chất lượng trong sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ. Các mô hình, đề tài, dự án khoa học - công nghệ được ứng dụng trong lĩnh vực nông nghiệp, y tế, giáo dục, cải cách hành chính đều mang lại hiệu quả.

1.3.2.7. Quốc phòng – an ninh

Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị trong xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân, gắn với thể trận an ninh nhân dân. Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, giáo dục, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh; nâng cao nhận thức về âm mưu, thủ đoạn “diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Kiện toàn lực lượng Dân quân tự vệ, Dự bị động viên bảo đảm đúng theo quy định. Thực hiện tốt công tác huấn luyện, diễn tập, phòng, chống cháy rừng, cứu hộ cứu nạn; công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ, tuyển sinh quân sự, công an nhân dân, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ các cấp trong lực lượng vũ trang. Đã đầu tư xây dựng một số hạng mục công trình tại khu hậu cứ. Cơ bản thực hiện tốt công tác xây dựng cơ sở xã, phường vững mạnh toàn diện, cụm an toàn làm chủ sẵn sàng chiến đấu. Xây dựng lực lượng vũ trang Thị xã vững mạnh toàn diện; thực hiện tốt công tác chính sách quân đội theo Quyết định 290, 142 và Quyết định 62 của Thủ tướng Chính phủ. Hoàn thành tốt công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ năm 2015 đạt 100% kế hoạch và chất lượng cao.

Ủy ban Nhân dân thị xã chỉ đạo thực hiện tốt công tác bảo vệ chính trị nội bộ, bảo đảm an ninh tư tưởng văn hóa; an ninh kinh tế, an ninh tôn giáo và an ninh nông thôn. Chủ động phòng ngừa, ngăn chặn có hiệu quả nguy cơ “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”; giải quyết ổn định các vụ việc liên quan tôn giáo, tranh chấp khiếu kiện không để xảy ra phức tạp, kéo dài. Thực hiện tốt công tác phòng, chống tội phạm hình sự, tội phạm ma túy và các tệ nạn xã hội; đẩy mạnh công tác phòng chống tham nhũng, buôn lậu, gian lận thương mại và bảo vệ môi trường. Mở nhiều đợt tấn công trấn áp tội phạm và lập lại trật tự an toàn giao thông, kiên quyết xử lý nghiêm những hành vi vi phạm pháp luật. Làm tốt công tác cải cách hành chính trong công an nhân dân; tổ chức phát động phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc ở các địa bàn, khu vực trọng điểm, phức tạp. Tập trung xây dựng, củng cố mô hình “khu dân cư không có tội phạm, tệ nạn xã hội và không vi phạm an toàn giao thông”. Tăng cường công tác giáo dục pháp luật trong nhân dân, nhất là tầng lớp thanh thiếu niên, học sinh và đối tượng vi phạm pháp luật.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM TRƯỚC

2.1. Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước

2.1.1. Về chỉ tiêu các loại đất

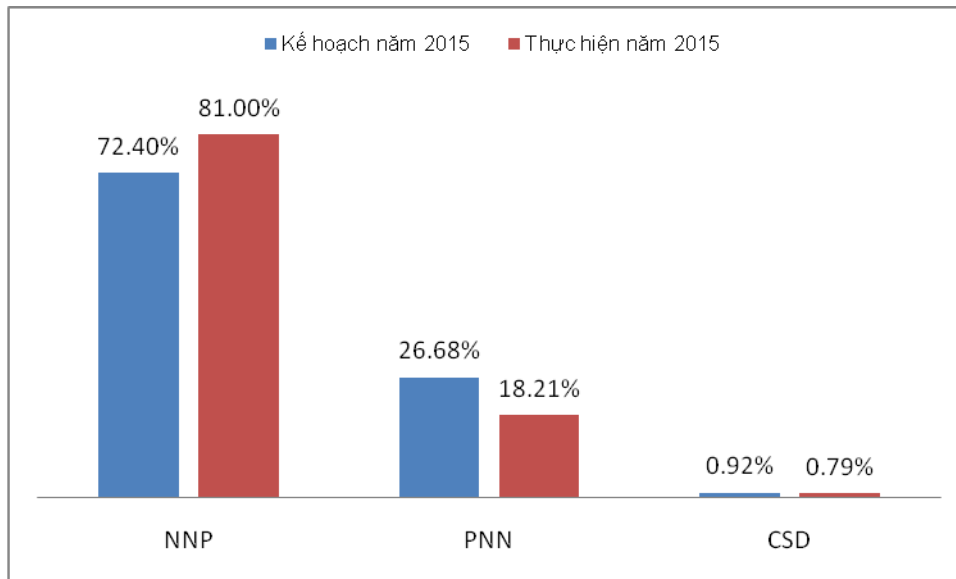
- Đất nông nghiệp năm 2015 theo kế hoạch được phê duyệt là 33.564,21 ha, hiện trạng đã thực hiện là 36.828,43 ha, tỷ lệ 109,73% (cao hơn 3.264,22 ha) so với kế hoạch được duyệt.

- Đất phi nông nghiệp năm 2015 theo kế hoạch được phê duyệt là 11.592,96 ha, hiện trạng đã thực hiện là 8.280,44 ha, tỷ lệ 71,43% (thấp hơn 3.312,52 ha) so với kế hoạch được duyệt.

- Đất chưa sử dụng năm 2015 theo kế hoạch được phê duyệt là 444,90 ha, hiện trạng đã thực hiện là 357,11 ha, tỉ lệ 80,27%.

So sánh diện tích đất năm 2015.

(giữa số liệu thực hiện và số liệu được phê duyệt)



So sánh diện tích đất năm 2015 (giữa số liệu thực hiện và số liệu được phê duyệt của UBND tỉnh)

STT	Chỉ tiêu	Mã	Diện tích kế hoạch đã được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện		
				Diện tích (ha)	So sánh	
					Tăng/giảm (ha)	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
I	DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN		45.602,07	45.465,98	-136,09	1,00
1	Đất nông nghiệp	NNP	33.564,21	36.828,43	3.264,22	109,73%
1.1	Đất trồng lúa	LUA	3.362,65	3.498,22	135,57	104,03%

<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>		<i>LUC</i>	3.246,86	3.231,80	-15,06	99,54
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	1.203,50	662,53	-540,97	55,05%
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	330,40	2.110,09	1.779,69	638,65%
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	10.706,88	10.912,54	205,66	101,92%
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	985,60	342,78	-642,82	34,78%
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	16.580,89	18.826,28	2.245,39	113,54%
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	340,39	337,73	-2,66	99,22%
1.8	Đất nông nghiệp khác	NNK	53,90	138,26	84,36	256,51%
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	11.592,96	8.280,44	-3.312,52	71,43%
2.1	Đất quốc phòng	CQP	1.011,89	896,53	-115,36	88,60%
2.2	Đất an ninh	CAN	8,27	8,26	-0,01	99,88%
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	279,75	183,75	-96,00	65,68%
2.4	Đất khu chế xuất	SKT	-	-	0,00	
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN	43,46	72,20	28,74	166,13%
2.6	Đất thương mại dịch vụ	TMD	69,90	62,45	-7,45	89,34%
2.7	Đất cơ sở sx phi nông nghiệp	SKC	49,42	124,41	74,99	251,74%
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	-	18,84	18,84	
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	6.650,79	4.175,68	-2.475,11	62,78%
2.10	Đất di tích lịch sử, văn hóa	DDT	81,83	25,14	-56,69	30,72%
2.11	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	-	-	0,00	
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	65,42	30,31	-35,11	46,33%
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	939,26	468,12	-471,14	49,84%
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	831,94	539,27	-292,67	64,82%
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	59,11	22,33	-36,78	37,78%
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	-	0,98	0,98	
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	-	-	0,00	
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON	31,88	24,10	-7,78	75,60%
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	581,62	635,85	54,23	109,32%
2.20	Đất sản xuất làm vật liệu xây dựng, gốm sứ	SKX	4,80	-	-4,80	0,00%
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	18,11	4,86	-13,25	26,84%
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	0,60	2,34	1,74	390,00%
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	49,30	97,96	48,66	198,70%
2.24	Đất sông ngòi, kênh rạch, suối	SON	700,34	620,81	-79,53	88,64%
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	SMN	115,27	266,25	150,98	230,98%
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	-	-	0,00	
3	Đất chưa sử dụng	CSD	444,90	357,11	-87,79	80,27%

Diện tích đất tự nhiên năm 2015 theo kế hoạch được phê duyệt là 45.602,07 ha, hiện trạng là 45.465,98 ha, thấp hơn 136,09 ha do có sự chồng lấn đường địa giới của phường Thủy Dương với phường An Tây-TP Huế là 72,54 ha, xã Thủy Bằng với phường An Tây-TP Huế là 26.31ha, còn lại là do kỳ kiểm kê năm 2010 không tiếp biên triệt để nên có một phần diện tích 37,24 ha được tính trùng 2 lần cho các xã Phú Sơn -Thủy Phù.

a) Đất nông nghiệp

Thực hiện sử dụng đất nông nghiệp của huyện năm 2015 là 36.828,43 ha, kế hoạch năm 2015 là 33.564,21 ha, cao hơn 3.246,22 ha. Trong đó:

- Đất trồng lúa: 3.498,22 ha cao hơn 135,57 ha. Do một số công trình trong năm kế hoạch chưa thực hiện được nên việc chuyển đổi các diện tích đất lúa sang các loại đất khác chưa thực hiện được là 30,63 ha. Tăng do các diện tích đất khác được chuyển đổi sang đất lúa trong quá trình kiểm kê là 104,94 ha.

- Đất trồng cây hàng năm khác: 662,53 ha thấp hơn 540,97 ha là do các diện tích đất trồng cây hàng năm khác được chuyển đổi sang các loại đất khác trong quá trình kiểm kê là 36,26 ha, chưa thực hiện kế hoạch năm 2015 là 45,71 ha, và do sai số kiểm kê là 459 ha.

- Đất trồng cây lâu năm: 2.110,09 ha cao hơn 1.779,69 ha là do các diện tích đất trồng cây lâu năm tăng từ các loại đất khác trong quá trình kiểm kê là 492,16 ha, ngoài ra đất trồng cây lâu năm tăng do sai số kiểm kê là 1.274 ha (kỳ kiểm kê trước tính gộp cả các loại đất liền kề với đất ở, kỳ kiểm kê này đất ở tính theo hạn mức qui định nên phần đất liền kề được tính cho đất cây lâu năm). Các công trình kế hoạch 2015 chưa thực hiện được là 13,53 ha.

- Đất rừng phòng hộ: 10.912,54 ha cao hơn 205,66 ha, do rà soát, xác định chỉ tiêu sử dụng đất trong thống kê, kiểm kê.

- Đất rừng đặc dụng: 342.78,25 ha thấp hơn 642,82 ha là do chuyển sang các diện tích rừng phòng hộ, rừng sản xuất theo rà soát, xác định chỉ tiêu sử dụng đất trong thống kê, kiểm kê.

- Đất rừng sản xuất: 18.826,25 ha cao hơn 2.245,39 ha là do các diện tích tăng từ các loại đất khác trong quá trình kiểm kê là 413 ha, ngoài ra rừng sản xuất tăng do sai số kiểm kê là 1.782 ha. Các công trình kế hoạch 2015 chưa thực hiện được là 50 ha.

- Đất nuôi trồng thủy sản: 337,73 ha thấp hơn 2,66 ha do sai số kiểm kê.

- Đất nông nghiệp khác: 138,26 ha cao hơn 84,36 ha do sai số kiểm kê.

b) Đất phi nông nghiệp

Thực hiện sử dụng đất phi nông nghiệp của huyện năm 2015 là 8.280,44 ha, kế hoạch năm 2015 là 11.592,96 ha, thấp hơn 3.312,52 ha. Trong đó:

- Đất quốc phòng: 896,53 ha thấp hơn 115,36 ha do sai số kiểm kê. Công trình kế hoạch 2015 chưa thực hiện được là 10,0 ha.
- Đất an ninh: 0,26 ha phù hợp với kế hoạch.
- Đất khu công nghiệp: 183,75 ha thấp hơn 96,00 ha do rà soát lại diện tích, xác định loại đất khu công nghiệp khi thực hiện kiểm kê.
- Đất cụm công nghiệp: 72,20 ha cao hơn 28,74 ha là do rà soát lại diện tích cụm công nghiệp Thủy Phương khi thực hiện kiểm kê
- Đất thương mại dịch vụ: 62,45 ha thấp hơn 7,54 ha là do chuyển sang đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp theo chỉ tiêu thống kê
- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: 124,41 ha cao hơn 74,99 ha là do chuyển từ các loại đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp sang theo chỉ tiêu thống kê.
- Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản: 18,84 ha cao hơn 18,84 ha là do chuyển từ các loại đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp sang theo chỉ tiêu thống kê.
- Đất phát triển hạ tầng: 4.175,68 ha thấp hơn 2.475,11 ha do các công trình trong kế hoạch như nhà văn hóa, sân bóng, trường học, các tuyến đường, hệ thống thủy lợi... chưa thực hiện được là 26 ha. Đồng thời giảm chủ yếu do sai số thống kê.
- Đất di tích lịch sử văn hóa: 25,14 ha thấp hơn 56,69 ha do chủ yếu do sai số thống kê.
- Đất bãi thải xử lý chất thải: 30,31 ha thấp hơn 35,11 ha nguyên nhân chủ yếu là do sai số thống kê.
- Đất ở tại nông thôn: 468,12 thấp hơn 471,14 ha nguyên nhân chủ yếu là do các công trình đất ở trong kế hoạch chưa thực hiện 14,31 ha và do sai số thống kê giảm 456,83 ha (kỳ kiểm kê trước tính gộp cả các loại đất liền kề với đất ở, kỳ kiểm kê này đất ở tính theo hạn mức qui định).
- Đất ở tại đô thị: 539,27 thấp hơn 292,67 ha nguyên nhân chủ yếu là do các công trình đất ở trong kế hoạch chưa thực hiện 88,37 ha và do sai số thống kê giảm 423,73 ha (kỳ kiểm kê trước tính gộp cả các loại đất liền kề với đất ở, kỳ kiểm kê này đất ở tính theo hạn mức qui định).
- Đất xây dựng trụ sở cơ quan: 22,33 thấp hơn 36,78 ha do sai số thống kê (do kỳ kiểm kê trước tính cả đất xây dựng sân bay vào đất xây dựng trụ sở cơ quan).
- Đất xây dựng trụ sở tổ chức sự nghiệp: 0,98 cao hơn 0,98 ha do chuyển từ đất xây dựng trụ sở cơ quan sang theo chỉ tiêu thống kê.

- Đất cơ sở tôn giáo: 24,10 ha thấp hơn 7,78 ha do sai số thống kê và do chuyển sang đất cơ sở tín ngưỡng theo thống kê.

- Đất nghĩa trang, nghĩa địa: 635,85 ha cao hơn 54,23 ha do sai số thống kê khi thực hiện khoanh vùng các khu đất nghĩa trang, nghĩa địa

- Đất sinh hoạt cộng đồng: 4,86 ha thấp hơn 13,25 ha do giảm theo chỉ tiêu thống kê.

- Đất khu vui chơi giải trí công cộng: 2,34 ha cao hơn 1,74 ha do tăng chỉ tiêu thống kê

- Đất cơ sở tín ngưỡng: 97,96 ha cao hơn 48,66 ha do các chỉ tiêu thống kê và chuyển đất cơ sở tôn giáo sang theo thống kê.

- Đất sông ngòi, kênh rạch, suối: 620,81 ha thấp hơn 79,53 ha do kỳ kiểm kê trước tính cả đất nông nghiệp ven sông vào đất sông ngòi, kênh, rạch, suối kỳ kiểm kê này tách riêng.

- Đất có mặt nước chuyên dùng: 266,25 cao hơn 150,98 do xác định lại chỉ tiêu thống kê và chuyển từ đất sông ngòi, kênh rạch, suối sang.

c) Đất chưa sử dụng

Thực hiện sử dụng đất chưa sử dụng của huyện năm 2015 là 357,11 ha, kế hoạch năm 2015 là 444,90 ha. Thấp hơn 87,79 ha do xác định lại chỉ tiêu thống kê là 79,74 ha, các công trình trong năm kế hoạch chưa thực hiện được 8,05 ha.

d) Kết quả thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất, kết quả thu hồi đất và đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng:

- Các loại đất cần chuyển mục đích trong kế hoạch 2015 là 161,91 ha, thực hiện chuyển mục đích được 18,47 ha chiếm tỷ lệ 11,41%.

- Các loại đất cần thu hồi trong kế hoạch 2015 là 104,06 ha, thực hiện thu hồi được 9,82 ha chiếm tỷ lệ 9,44%.

- Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong kế hoạch 2015 là 8,56 ha, thực hiện được 0,51 ha chiếm tỷ lệ 5,96%.

2.1.2. Về công bố quy hoạch, kế hoạch

- Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của thị xã Hương Thủy được UBND tỉnh phê duyệt vào ngày 04 tháng 04 năm 2014 tại Quyết định số 654/QĐ-UBND.

- Kế hoạch sử dụng đất năm 2015 huyện thị xã Hương Thủy được UBND tỉnh phê duyệt vào ngày 15 tháng 4 năm 2015 tại Quyết định số 702/QĐ-UBND.

Sau khi quy hoạch được duyệt, Phòng Tài nguyên và Môi trường đã tham mưu UBND thị xã công bố công khai quy hoạch theo quy định của Luật Đất đai,

việc công bố quy hoạch được thực hiện như sau:

- Phòng Tài nguyên và Môi trường gửi tài liệu quy hoạch cho UBND thị xã 01 bộ, Phòng Tài nguyên môi trường lưu 01 bộ;

- Công khai quy hoạch tại trụ sở Ủy ban nhân dân thị xã, phòng Tài nguyên Môi trường và sao lưu tài liệu gửi cho các phường, xã. Nội dung công khai bao gồm bản báo cáo thuyết minh tổng hợp và bản đồ quy hoạch sử dụng đất.

2.1.3. Về hiệu quả của quy hoạch sử dụng đất năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất năm 2015

- Hiệu quả của quy hoạch sử dụng đất nói chung và kế hoạch sử dụng đất năm 2015 đã đạt được nhiều chỉ tiêu sử dụng đất quan trọng, góp phần to lớn trong việc thực hiện các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng của thị xã Hương Thủy. Trong quá trình sử dụng, chuyển mục đích đều dựa trên quan điểm khai thác tiết kiệm, hiệu quả, triệt để quỹ đất, đáp ứng được các yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng, phát triển hạ tầng, nên các diện tích đất thu hồi đều tạo sự đồng thuận cao trong nhân dân, ít có xảy ra khiếu kiện nhiều do thu hồi đất.

- Kết quả thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trong thời gian 1 năm qua trên địa bàn thị xã cho thấy quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất là tài liệu hết sức cơ bản trong việc chỉ ra vị trí, quy mô, định mức sử dụng đất, mục đích sử dụng đất, phục vụ cho việc đầu tư, xây dựng công trình; giúp các cấp chính quyền trong công tác giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất phù hợp, nhất là trong việc chuyển mục đích đất nông nghiệp, đất trồng lúa sang đất phi nông nghiệp.

2.2. Đánh giá những tồn tại và các nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước

2.2.1. Những thuận lợi

- Kế hoạch sử dụng đất năm 2015 đã được thị xã hết sức chú trọng vì toàn bộ nhu cầu sử dụng đất cho mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và đô thị hóa đều phải sử dụng chủ yếu vào đất nông nghiệp mà trong đó chủ yếu là đất trồng lúa và cây hàng năm khác. Vì thế cơ cấu sử dụng đất được chuyển đổi phù hợp với quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế, kế hoạch sử dụng đất năm 2015 đã trở thành cơ sở pháp lý cho việc thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất.

- Trong năm 2015 toàn thị xã đã thực hiện xong 32 dự án lớn nhỏ (trong đó có 12 công trình thuộc danh mục được thông qua tại Nghị quyết số 14/2014/NQ-HĐND ngày 12/12/2014 và 20 công trình cấp huyện xác định) trong kế hoạch đã phê duyệt.

2.2.2. Những tồn tại

- Nhiều dự án dự định triển khai (nhất là các dự án hạ tầng), nhưng do ngân sách không bảo đảm hoặc bị động về nguồn thu nên sau khi công bố triển khai đã phải dừng lại. Đây cũng là nguyên nhân chính của các chỉ tiêu đạt thấp so với kế hoạch đã được duyệt.

- Hầu hết các công trình còn lại của năm 2015 đều được chuyển tiếp sang năm 2016

2.2.3. Bài học kinh nghiệm

- Kinh tế, xã hội phát triển rất nhanh do yêu cầu đẩy mạnh công nghiệp hóa, chuyển đổi mạnh mẽ cơ cấu sử dụng đất nên nhu cầu sử dụng đất tăng cao và rất đa dạng, làm tăng giá trị của đất đòi hỏi công tác quản lý đất đai nói chung, quy hoạch, kế hoạch nói riêng phải hoàn chỉnh về lực lượng cũng như cơ chế, chính sách mới phù hợp để có thể quản lý tốt theo quy hoạch và pháp luật.

- Qua thực tế quản lý, thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2015, có thể thấy pháp luật đất đai hiện đã bước đầu ràng buộc các ngành, lĩnh vực và chính quyền địa phương tuân thủ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, không dễ bị điều chỉnh theo yêu cầu của nhà đầu tư.

- Tiếp tục hướng dẫn cụ thể, chi tiết về phương pháp luận để nâng cao luận chứng của tài liệu quy hoạch kế hoạch sử dụng đất, nâng cao tầm quan trọng của tài liệu quy hoạch kế hoạch trong công tác quản lý điều hành của chính quyền các cấp, đồng thời bổ sung quy định về chấp hành quy hoạch kế hoạch sử dụng đất.

- Tài liệu kế hoạch sử dụng đất cần xác định cụ thể các giải pháp để đảm bảo tính khả thi của việc thực hiện theo quy hoạch.

- Phải cắt cử cán bộ lập, theo dõi và thực hiện kế hoạch.

III. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

3.1. Chỉ tiêu sử dụng đất

- Căn cứ Nghị quyết số 53/NQ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2011-2015) của tỉnh Thừa Thiên Huế;

- Căn cứ Quyết định số 654/QĐ-UBND ngày 04 tháng 4 năm 2013 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất kỳ đầu (2011-2015) của thị xã Hương Thủy;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 15/2015/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về việc thông qua danh mục các công trình, dự án cần thu hồi đất trên địa bàn tỉnh năm 2016; cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ và đất rừng đặc dụng sang sử dụng vào mục đích khác để thực hiện các dự án năm 2016.

3.2. Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực

Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực, các tổ chức, hộ gia đình cá nhân trên địa bàn thị xã Hương Thủy trong năm lập kế hoạch (2016) như sau:

3.2.1. Chỉ tiêu sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất năm 2015

Các chỉ tiêu sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất năm 2015 chưa thực hiện hết nhưng phù hợp với kinh tế - xã hội trên địa bàn thị xã như sau:

- Danh mục các công trình dự án của năm 2015 chuyển sang năm 2016 (được thông qua tại Nghị quyết số 15/2015/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế) có 12 công trình chuyển mục đích và thu hồi với tổng diện tích 59,71 ha

- Danh mục các công trình dự án của năm 2015 chuyển sang năm 2016 có 23 công trình với tổng diện tích chuyển đổi (không thuộc đất trồng lúa, rừng đặc dụng và rừng phòng hộ) là 62,42 ha

3.2.2. Nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình cá nhân

* Nhu cầu về đất nông nghiệp: 73,44 ha. Trong đó:

- Nhu cầu đất nông nghiệp khác (đất trang trại): 73,44 ha

* Nhu cầu về đất phi nông nghiệp: 312,94 ha. Trong đó:

- Đất xây dựng trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp: 0,72 ha

- Đất quốc phòng: 11,23 ha

- Đất an ninh: 9,85 ha
- Đất khu công nghiệp: 11.79 ha
- Đất cụm công nghiệp: 2,60 ha
- Đất thương mại dịch vụ: 9,97 ha
- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: 0,96 ha
- Đất phát triển hạ tầng: 53,72 ha. Trong đó:
 - + Đất giao thông: 39,43 ha
 - + Đất thủy lợi: 0,89 ha
 - + Đất cơ sở văn hóa: 1,30 ha
 - + Đất cơ sở y tế: 2,50 ha
 - + Đất cơ sở giáo dục đào tạo: 5,41 ha
 - + Đất cơ sở thể dục - thể thao: 2,13 ha
 - + Đất công trình năng lượng: 1,72 ha
 - + Đất công trình bưu chính, viễn thông: 0,34 ha
- Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng: 26,15 ha
- Đất sản xuất làm vật liệu xây dựng, gốm sứ: 14,68 ha
- Đất bãi thải, xử lý chất thải: 7,21 ha
- Đất sinh hoạt cộng đồng: 0,36 ha
- Đất ở tại đô thị: 141,49 ha
- Đất ở tại nông thôn: 22,21 ha

Với nhu cầu như vậy thì các diện tích không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng bao gồm các loại đất sau:

* Đất nông nghiệp:

- Đất rừng phòng hộ: 10.912,54 ha

* Đất phi nông nghiệp:

- Đất cho hoạt động khoáng sản: 18,84 ha
- Đất di tích lịch sử, văn hóa: 25,14 ha
- Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp: 0,98 ha
- Đất sông ngòi, kênh rạch, suối: 620,81 ha

Và các diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang trong năm kế

hoạch bao gồm các loại đất sau:

* Đất nông nghiệp: 347,76 ha. Trong đó:

- Đất trồng lúa: 92,29 ha
- Đất trồng cây hàng năm khác: 38,37 ha
- Đất trồng cây lâu năm: 30,57 ha
- Đất rừng đặc dụng: 0,12 ha
- Đất rừng sản xuất: 184,17 ha
- Đất nuôi trồng thủy sản: 2,24 ha

* Đất phi nông nghiệp: 18,93 ha. Trong đó:

- Đất phát triển hạ tầng: 5,78 ha
- Đất ở tại nông thôn: 0,24 ha
- Đất ở tại đô thị: 3,55 ha
- Đất xây dựng trụ sở cơ quan: 0,14 ha
- Đất nghĩa trang nghĩa địa: 9,09 ha
- Đất có mặt nước chuyên dùng: 0,13 ha

3.3. Tổng hợp và cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất

Tổng hợp và cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất đến đơn vị hành chính cấp xã, phường

STT	Đơn vị hành chính	Tổng diện tích	Đất nông nghiệp	Đất phi nông nghiệp	Đất chưa sử dụng
1	Phường Phú Bài	1,587.80	455.42	1,109.04	23.34
2	Phường Thủy Vân	492.80	240.11	236.92	15.77
3	Phường Thủy Thanh	851,.19	627.00	218.61	5.58
4	Phường Thủy Dương	1,173.59	694.12	474.66	4.81
5	Phường Thủy Phương	2,825.03	1,684.97	1,125.69	14.37
6	Phường Thủy Châu	1,774.32	1,336.11	426.27	11.94
7	Phường Thủy Lương	861.36	453.88	384.36	23.12
8	Xã Thủy Bằng	2,277.93	1,649.68	596.53	31.72
9	Xã Thủy Tân	754.93	477.91	267.23	9.79
10	Xã Thủy Phù	3,425.35	2,503.96	825.96	95.43
11	Xã Phú Sơn	3,269.78	3,075.50	140.92	53.36
12	Xã Dương Hòa	26,171.90	23,355.45	2,768.26	48.19
	Tổng	45,465.98	36,554.11	8,574.45	337.42

Tổng hợp và cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Hiện trạng năm 2015 (ha)	Kế hoạch năm 2016 (ha)	Cơ cấu (%) năm 2016	Tăng, giảm so với HT
I	LOẠI ĐẤT (= 1+2+3)	45.465,98	45,465.98	100.00	0,00
1	Đất nông nghiệp	36,828.43	36,554.11	80.40	-274.32
1.1	Đất trồng lúa	3,498.22	3,405.93	9.32	-92.29
<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>		<i>3,231.80</i>	<i>3,143.01</i>	<i>92.28</i>	<i>-88.79</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	662.53	624.16	1.71	-38.37
1.3	Đất trồng cây lâu năm	2,110.09	2,079.52	5.69	-30.57
1.4	Đất rừng phòng hộ	10,912.54	10,912.54	29.85	-
1.5	Đất rừng đặc dụng	342.78	342.66	0.94	-0.12
1.6	Đất rừng sản xuất	18,826.28	18,642.11	51.00	-184.17
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	337.73	335.49	0.92	-2.24
1.8	Đất nông nghiệp khác	138.26	211.70	0.58	73.44
2	Đất phi nông nghiệp	8,280.44	8,574.45	18.86	294.01
2.1	Đất quốc phòng	896.53	907.76	10.59	11.23
2.2	Đất an ninh	8.26	18.11	0.21	9.85
2.3	Đất khu công nghiệp	183.75	195.54	2.28	11.79
2.4	Đất khu chế xuất	-	-	-	-
2.5	Đất cụm công nghiệp	72.20	74.80	0.87	2.60
2.6	Đất thương mại dịch vụ	62.45	72.42	0.84	9.97
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	124.41	125.37	1.46	0.96
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	18.84	18.84	0.22	-
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	4,175.68	4,223.62	49.26	47.94
2.10	Đất di tích lịch sử, văn hóa	25.14	25.14	0.29	-
2.11	Đất danh lam thắng cảnh	-	-	-	-
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	30.31	37.52	0.44	7.21
2.13	Đất ở tại nông thôn	468.12	490.09	5.72	21.97
2.14	Đất ở tại đô thị	539.27	677.21	7.90	137.94
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	22.33	22.91	0.27	0.58
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	0.98	0.98	0.01	-
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	-	-	-	-
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	24.10	24.10	0.28	-
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	635.85	652.91	7.61	17.06

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Hiện trạng năm 2015 (ha)	Kế hoạch năm 2016 (ha)	Cơ cấu (%) năm 2016	Tăng, giảm so với HT
2.20	Đất sản xuất làm vật liệu xây dựng, gốm sứ	-	14.68	0.17	14.68
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	4.86	5.22	0.06	0.36
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	2.34	2.34	0.03	-
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	97.96	97.96	1.14	-
2.24	Đất sông ngòi, kênh rạch, suối	620.81	620.81	7.24	-
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	266.25	266.12	3.10	-0.13
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	-	-	-	-
3	Đất chưa sử dụng	357.11	337.42	0.74	-19.69

Tổng diện tích tự nhiên 45.465,98 ha, trong đó:

- Đất nông nghiệp 36.554,11 ha, chiếm 80,40% diện tích tự nhiên, giảm 274,32 ha so với hiện trạng. Trong đó:

- + Đất trồng lúa giảm 92,29 ha
- + Đất trồng cây hàng năm khác giảm 38,37 ha
- + Đất trồng cây lâu năm giảm 30,57 ha
- + Đất rừng phòng hộ giảm 0,12 ha
- + Đất rừng sản xuất giảm 184,17 ha
- + Đất nuôi trồng thủy sản giảm 2,24 ha
- + Đất nông nghiệp khác tăng 73,44 ha

- Đất phi nông nghiệp 8.574,45 ha, chiếm 18,86 % diện tích tự nhiên, tăng 294,01 ha. Trong đó:

- + Đất quốc phòng tăng 11,23 ha
- + Đất an ninh tăng 9,85 ha
- + Đất khu công nghiệp tăng 11,79 ha
- + Đất cụm công nghiệp tăng 2,60 ha
- + Đất thương mại dịch vụ tăng 9,97 ha
- + Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp tăng 0,96 ha
- + Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã tăng 47,94 ha
- + Đất xây dựng cơ sở văn hóa tăng 1,30 ha
- + Đất xây dựng cơ sở y tế tăng 2,50 ha

- + Đất xây dựng cơ sở giáo dục đào tạo tăng 5,41 ha
- + Đất xây dựng cơ sở thể thao tăng 2,13 ha
- + Đất giao thông tăng 39,26 ha
- + Đất thủy lợi giảm 4,72 ha
- + Đất công trình năng lượng tăng 1,72 ha
- + Đất công trình bưu chính, viễn thông tăng 0,34 ha
- + Đất bãi thải, xử lý chất thải tăng 7,21 ha
- + Đất ở tại nông thôn tăng 21,97 ha
- + Đất ở tại đô thị tăng 137,94 ha
- + Đất xây dựng trụ sở cơ quan tăng 0,58 ha
- + Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng tăng 17,06 ha
- + Đất sản xuất làm vật liệu xây dựng làm đồ gốm tăng 14,68 ha
- + Đất sinh hoạt cộng đồng tăng 0,36 ha
- + Đất có mặt nước chuyên dùng giảm 0,13 ha
- Đất chưa sử dụng 337,42 ha, chiếm 0,74% diện tích tự nhiên, giảm 19,69 ha so với hiện trạng.

3.4. Diện tích các loại đất cần chuyển mục đích

Diện tích các loại đất cần chuyển mục đích

STT	Chỉ tiêu	Mã	Tổng diện tích
1	Đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp	NNP/PNN	274.32
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	92.29
-	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>DLN/PNN</i>	88.79
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	38.37
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	30.57
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN	-
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD/PNN	0.12
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN	110.73
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	2.24
1.8	Đất nông nghiệp khác	NNK/PNN	-
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp		40.00

2.1	Đất chuyên trồng lúa nước chuyển sang đất trồng cây lâu năm	LUA/CLN	-
2.2	Đất chuyên trồng lúa nước chuyển sang trồng rừng	LUA/LNP	-
2.3	Đất chuyên trồng lúa nước chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	LUA/NTS	-
2.4	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	HNK/NTS	-
2.5	Đất rừng sản xuất chuyển sang đất sản xuất nông nghiệp không phải là rừng	RSX/NKR ^(a)	40.00
2.6	Đất rừng đặc dụng chuyển sang đất sản xuất nông nghiệp không phải là rừng	RDD/NKR ^(a)	-
2.7	Đất rừng phòng hộ chuyển sang đất sản xuất nông nghiệp không phải là rừng	RPH/NKR ^(a)	-
3	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT	11.00

3.5. Diện tích đất cần thu hồi

Diện tích đất cần thu hồi

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích
1	Đất nông nghiệp	NNP	164.35
1.1	Đất trồng lúa	LUA	78.77
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>71.29</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	13.73
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	9.06
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	-
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	0.12
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	60.93
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	1.74
1.8	Đất nông nghiệp khác	NNK	-
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	3.99
2.1	Đất quốc phòng	CQP	-
2.2	Đất an ninh	CAN	-
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	-
2.4	Đất khu chế xuất	SKT	-
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN	-
2.6	Đất thương mại dịch vụ	TMD	-
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	-
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	-

2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	-
2.10	Đất di tích lịch sử, văn hóa	DDT	-
2.11	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	-
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	-
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	0.44
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	3.55
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	-
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	-
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	-
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON	-
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	-
2.20	Đất sản xuất làm vật liệu xây dựng, gốm sứ	SKX	-
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	-
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	-
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	-
2.24	Đất sông ngòi, kênh rạch, suối	SON	-
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	SMN	-
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	-

3.6. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng

Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong năm kế hoạch 2016 của thị xã Hương Thủy theo bảng sau:

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích
1	Đất nông nghiệp	NNP	-
1.1	Đất trồng lúa	LUA	-
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>-</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	-
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	-
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	-
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	-
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	-
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	-
1.8	Đất nông nghiệp khác	NNK	-
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	19.69
2.1	Đất quốc phòng	CQP	-
2.2	Đất an ninh	CAN	-
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	0.79
2.4	Đất khu chế xuất	SKT	-
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN	-
2.6	Đất thương mại dịch vụ	TMD	-
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	-

2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	-
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	1.50
2.10	Đất di tích lịch sử, văn hóa	DDT	-
2.11	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	-
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	-
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	0.42
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	8.88
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	-
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	-
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	-
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON	-
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	8.10
2.20	Đất sản xuất làm vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	-
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	-
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	-
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	-
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	-
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	SMN	-
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	-

3.7. Danh mục các công trình, dự án trong năm kế hoạch (bao gồm các công trình, dự án của kế hoạch sử dụng đất cấp trên phân bổ và các công trình, dự án của cấp lập kế hoạch)

3.7.1. Danh mục công trình, dự án thực hiện trong năm kế hoạch 2016 của Kế hoạch sử dụng đất cấp trên phân bổ

3.7.1.1. Công trình, dự án vì mục đích quốc phòng, an ninh

- Xây dựng Trụ sở công an phường Thủy Phương, diện tích: 0,14 ha.
- Xây dựng Trụ sở công an phường Thủy Dương, diện tích: 0,15 ha
- Trụ sở cảnh sát trật tự (Thủy Thanh) với diện tích 0,26 ha
- Trụ sở Ban CHQS thị xã (Ban chỉ huy Quân sự thị xã), diện tích: 2,23 ha.
- Đường hầm (Ban chỉ huy Quân sự thị xã), diện tích: 9,0 ha.

3.7.1.2. Công trình, dự án để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng

- Mở rộng quốc lộ 1A:
 - + Mở rộng Quốc lộ 1A đoạn qua đồng Thanh Lam với diện tích 1,50 ha
 - + Xây dựng nút giao thông khác mức (QL1A - Đường tránh phía Tây thành phố Huế) với diện tích 5,20 ha

+ Chính trang Quốc lộ 1A (khu vực đối diện cổng vào sân bay) với diện tích 2,2 ha

3.7.2. Danh mục công trình, dự án thực hiện trong năm kế hoạch 2016 theo quy định tại Khoản 3 Điều 62 của Luật Đất đai và đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế thông qua tại Nghị quyết số 15/2015/NQ-HĐND ngày 11/12/2015

3.7.2.1. Danh mục dự án năm 2016 đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế thông qua tại Nghị quyết số 15/2015/NQ-HĐND ngày 11/12/2015

*** Các công trình liên xã phường:**

- HTKT khu tái định cư Thủy Thanh giai đoạn 3 thuộc khu E, đô thị mới An Vân Dương với diện tích 10,77 ha (Xã Thủy Thanh và phường Thủy Dương)

- Đường mặt cắt 19.5m đi qua khu đất xây dựng bệnh viện Sản - Nhi, thuộc khu E- đô thị mới An Vân Dương với diện tích 0,54 ha (Xã Thủy Thanh và phường Thủy Dương)

- Đường lâm nghiệp phục vụ rừng trồng sản xuất (Ban đầu tư và xây dựng NN&PTNT với diện tích 14,00 ha (Xã Dương Hòa, Phú Sơn, Thủy Phù, Thủy Bằng)

*** Phường Thủy Dương**

- Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư tổ 12 với diện tích 1,0 ha

- Khu dân cư Vịnh Mộc giai đoạn 4 với diện tích 1,10 ha

- Đường vào khu thôn 1 Thủy Dương với diện tích 0,04 ha

- Khu hạ tầng kỹ thuật tiếp giáp hói Cây Sen với diện tích 8,0 ha

- Đường Phùng Lưu (đoạn từ đường Trưng Nữ Vương đến đường vào sân Golf) với diện tích 0,50 ha

- HTKT khu tái định cư Thủy Dương giai đoạn 3- thuộc khu E, đô thị mới An Vân Dương với diện tích 10,72 ha

*** Xã Thủy Bằng**

- Quy hoạch đầu giá xen cư thôn Cư Chánh 1 với diện tích 1,28 ha

- Xây dựng Nhà văn Hóa xã Thủy Bằng thôn Bằng Lãng với diện tích 0,40 ha

- Khu dân cư thôn Cư Chánh 2 với diện tích 1,30 ha

- Dự án Mạch 2 đường dây 220 KV Đông Hà - Huế đoạn qua địa bàn tỉnh TT. Huế với diện tích 0,21 ha

*** Xã Thủy Vân**

- Khu xen cư thôn Dạ Lê với tổng diện tích 1 ha
- HTKT khu TĐ4 thuộc khu B - Khu đô thị mới An Vân Dương với diện tích 5,10 ha
- HTKT khu TĐ5 thuộc khu B- đô thị mới An Vân Dương với diện tích 4,70 ha
- Cửa hàng xăng dầu (Công ty xăng dầu TT Huế) với diện tích 1,20 ha
- Dự án đường nối Phạm Văn Đồng đến đường Thủy Dương Thuận An với diện tích 1,70 ha

- Khu phức hợp Thủy Vân giai đoạn 1 với diện tích 22,40 ha

*** Xã Thủy Thanh**

- Các khu xen cư thôn Thanh Thủy Chánh với tổng diện tích 0,65 ha
- Bến xe buýt và bến xe chất lượng cao với diện tích 3,72 ha
- Giải phóng mặt bằng cạnh khu vực thực hiện các dự án TĐC2 và đường Trường Chinh nối dài thuộc khu A - đô thị mới An Vân Dương với diện tích 2,45 ha

- Dự án hạ tầng kỹ thuật khu TĐC2 với diện tích 3,90 ha

*** Phường Thủy Phương**

- Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Thanh Lam giai đoạn 3, phường Thủy Phương, diện tích 2,6 ha

*** Phường Thủy Châu**

- Mương thoát nước Tổ 12; 13 và Tổ 15 với tổng diện tích 0,02 ha
- Khu quy hoạch di dời các cơ sở kinh doanh gây ô nhiễm tại các phường nội thị thị xã Hương Thủy với diện tích 5,20 ha
- Xen ghép tổ 3 với diện tích 0,15 ha
- Đất kinh doanh, dịch vụ với diện tích 0,44 ha
- Đường Sóng Hồng nối dài Tỉnh lộ 10A với diện tích 1,75 ha
- Khu tái định cư và dân cư Đường và cầu Hồ Châu Sơn với diện tích 0,50 ha
- Khu TĐC tổ 5 phường Thủy Châu với diện tích 0,70 ha
- Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư TĐC đường Quang Trung (Phù Nam) với diện tích 3,0 ha

*** Phường Phú Bài**

- Hạ tầng kỹ thuật Mương thoát nước tổ 1+2 phường Phú Bài (cạnh trụ sở cơ quan UBND thị xã Hương Thủy) với diện tích 0,05 ha

- Xây dựng Khe Cống mặt trận giai đoạn 4 với diện tích 0,10 ha

- Mở rộng Đường bê tông Tổ 7 với diện tích 0,05 ha

- Mương thoát nước Tổ 3+4 với diện tích 0,03 ha

*** Phường Thủy Lương**

- Đường Quy hoạch Tổ 7, diện tích chiếm đất 0,4 ha

*** Xã Thủy Phù**

- Xây dựng mở rộng Nghĩa trang liệt sỹ xã, diện tích mở rộng 0,15 ha.

- Xây dựng trung tâm đăng kiểm xe cơ giới với diện tích 1,0 ha

- Nâng cấp đê Đại Giang thuộc dự án Phát triển nông thôn tổng hợp các tỉnh miền trung, diện tích mở rộng 0,38 ha.

*** Xã Thủy Tân**

- Đất đấu giá Khu trung tâm xã Thủy Tân với diện tích 0,6 ha

*** Xã Dương Hòa:**

- Kè chống sạt lở sông Tả Trạch đoạn qua thôn Hạ, diện tích chiếm đất 0,50 ha

*** Xã Phú Sơn:**

- Công trình đấu nối 22KV và TBA khai thác quặng sắt tại Phú Sơn với diện tích 0,31 ha

- Dự án hỗ trợ xử lý chất thải rắn bệnh viện Trung ương Huế với diện tích 2,0 ha

3.7.2.2. Danh mục dự án thu hồi và chuyển mục đích năm 2015 chuyển tiếp 2016 đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế thông qua tại Nghị quyết số 15/2015/NQ-HĐND ngày 11/12/2015

- Cải tạo, nâng cấp hệ thống lưới điện trên toàn tỉnh với tổng diện tích trên địa bàn thị xã là 1,0 ha

*** Phường Thủy Dương**

- Quy hoạch khu chăn nuôi tập trung khu vực Xuân Chánh, diện tích 1,8 ha

- Mở rộng đường Khúc Thừa Dụ chiều dài 1,6 km, diện tích tăng 0,56 ha

- Mở rộng đường Phùng Quán chiều dài 5,54 km, rộng 7,5 m; diện tích tăng 2,4 ha

- Khu dân cư liền kề Khu đô thị mới CIC8 (giai đoạn 1), diện tích 6,8 ha
- Khu dân cư Thủy Dương với diện tích 36,0 ha

*** Xã Thủy Bằng**

*** Xã Thủy Thanh**

- Xây mới đường giao thông 04 (đoạn từ nút giao đường trung tâm đến tuyến giao thông số 14) dài 1,1 km, diện tích tăng 0,50 ha

*** Phường Thủy Phương**

- Khu dân cư dọc đường Thanh Lam (giai đoạn 3), diện tích 2,4 ha
- Khu dân cư vùng Lộng tổ 9, diện tích 0,52 ha

*** Phường Thủy Châu**

- Đường hạ tầng và khu dân cư tổ 5 (đường dài 386 m, rộng 6 m), diện tích 1,63 ha

*** Phường Phú Bài**

- Hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư và tái định cư Quang Trung với diện tích 4,80 ha

3.7.3. Danh mục công trình, dự án trong năm 2016 của thị xã

3.7.3.1. Danh mục công trình, dự án mới trong năm 2016 của thị xã

*** Phường Thủy Dương**

- Đất xen cư Tổ 1, 4, 16 với tổng diện tích 0,19 ha
- Các khu Quy hoạch đất xen cư Tổ 12, 20 (tiếp giáp khu Sân bay, đường Phùng Quán) với diện tích 2,20 ha
- Mở rộng sân Golf với diện tích 2,80 ha
- Công viên vườn địa đàng với diện tích 6,32 ha
- Chuyển đổi mục đích sử dụng đất vườn ao liền kề, đất nông nghiệp xen lẫn trong khu dân cư với diện tích 2,0 ha

*** Xã Thủy Bằng**

- Quy hoạch đầu giá khu Đồng Cát với diện tích 1,0 ha
- Quy hoạch điểm dân cư mới (Bằng Lăng- An Ninh) với diện tích 1,52 ha
- Nhà văn hóa thôn La Khê với diện tích 0,10 ha
- Công viên vườn địa đàng với diện tích 19,86 ha
- Chuyển đổi mục đích sử dụng đất vườn ao liền kề, đất nông nghiệp xen lẫn trong khu dân cư với diện tích 4,0 ha

*** Xã Thủy Thanh**

- Các khu xen cư thôn Vân Thê Làng với diện tích 1,40 ha
- Khu du lịch cộng đồng và trải nghiệm Thanh Toàn với diện tích 1,24 ha
- Chuyển đổi mục đích sử dụng đất vườn ao liền kề, đất nông nghiệp xen lẫn trong khu dân cư với diện tích 1,0 ha

*** Xã Thủy Vân**

- Xây dựng mới trụ sở UBND xã với diện tích 0,50 ha
- Chuyển đổi mục đích sử dụng đất vườn ao liền kề, đất nông nghiệp xen lẫn trong khu dân cư với diện tích 1,0 ha

*** Phường Thủy Phương**

- Các khu xen cư đất ở tại các tổ (1, 8, 9, 10, (đường Giáp Hải), 14, 16) với tổng diện tích 2,32 ha
- Tuyến đường gom số 3 và 4 (Cụm công nghiệp Thủy Phương) với diện tích 3,0 ha
- Dự án khai thác đất làm vật liệu san lấp tại đồi Khe Quan (Tróc Voi) với diện tích 9,68 ha
- Trung tâm pháp y Tâm thần khu vực miền Trung với diện tích 2,50 ha
- Khu đất đặc biệt quảng cáo với diện tích 0,04 ha
- Trường Trung Học giao thông vận tải cơ sở 2 với diện tích 0,72 ha
- Khu kinh doanh dịch vụ dọc đường Thanh Lam với diện tích 1,0 ha
- Chuyển đổi mục đích sử dụng đất vườn ao liền kề, đất nông nghiệp xen lẫn trong khu dân cư với diện tích 1,50 ha

*** Phường Thủy Châu**

- Kè thoát nước dọc tuyến đường Nguyễn Thượng Phương với diện tích 0,05 ha
- Kiệt 709 Nguyễn Tất Thành (Đoạn từ nhà ông Miễn đến ông Chớ) với diện tích 0,01 ha
- Kiệt 20 Đỗ Nam (Đoạn từ nhà bà Mai đến Lê Trọng Bật) với diện tích 0,35 ha
- Đường hạ tầng Tổ 5 với diện tích 0,01 ha
- Quy hoạch xen cư các Tổ dân phố 1, 2, 3, 4, 9, 12, 13 và Tổ 15 với diện tích 1,51 ha

- Mở rộng trường Mầm non Ánh Dương với diện tích 0,87 ha
- Nhà hiệu bộ THCS Thủy Châu (mở rộng trường THCS Thủy Châu) với diện tích 1,30 ha
- Chuyển đổi mục đích sử dụng đất vườn ao liền kề, đất nông nghiệp xen lẫn trong khu dân cư với diện tích 1,0 ha

*** Phường Phú Bài**

- Các khu xen cư đất ở Tổ 4, 5, 9, 14, 15, 16, phía đông và tây đường Quang Trung, Xen ghép tổ 11 với tổng diện tích 2,43 ha
- Quy hoạch tái định cư Tổ 17 với diện tích 2,35 ha
- Chuyển đổi mục đích sử dụng đất vườn ao liền kề, đất nông nghiệp xen lẫn trong khu dân cư với diện tích 1,0 ha

*** Phường Thủy Lương**

- Khu dân cư Sân Ri (giai đoạn 2) với diện tích 0,48 ha
- Các khu xen cư đất ở (Làng nghề Lương Mỹ, dọc đường Nguyễn Trọng Hợp, Hoàn Phan Thái, Thân Nhân Trung, Khu Rột Cây Xoài, Kiệt 68 Hoàn Phan Thái, Võ Xuân Lâm) với tổng diện tích 4,52 ha
- Khu xen ghép tiếp giáp Khu Tái định cư Bệnh viện Hương Thủy (2 lô). Hai thửa đất xen ghép Lô B 25 dãy B, Lô 9 dãy C. Khu dân cư Thủy Lương đội diện UBND dọc đường Hoàng Văn Thái với tổng diện tích 0,16 ha
- Khu xen ghép sau lưng trường hướng nghiệp dạy nghề với diện tích 0,14 ha
- Khu dân cư mở rộng ở Khu QH hạ tầng Thủy Lương với diện tích 0,38 ha
- Chuyển đổi mục đích sử dụng đất vườn ao liền kề, đất nông nghiệp xen lẫn trong khu dân cư với diện tích 1,0 ha

*** Xã Thủy Phù**

- Xây dựng Trường Mầm non Hoa Hướng Dương với diện tích 0,82 ha
- Khu đất quy hoạch xứ Tả Biên với diện tích 0,72 ha
- Khu đất quy hoạch xứ Hồ Kẹp, xứ Mụ lái khu C, xứ Ô Mưa với tổng diện tích 0,61 ha
- Xây dựng cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung với diện tích 0,86 ha
- Giao đất lâm nghiệp với diện tích 10,8 ha

- Khai thác vật liệu san lấp với diện tích 5,0 ha
- Trang trại tổng hợp với diện tích 1,64 ha
- Nhà SHCD thôn 7 với diện tích 0,1 ha
- Chuyển đổi mục đích sử dụng đất vườn ao liền kề, đất nông nghiệp xen lẫn trong khu dân cư với diện tích 1,0 ha

*** Xã Thủy Tân**

- Mở đường Khu trung tâm với diện tích 0,80 ha
- Chính trang Khu trung tâm (đường Lương Tân Phù) với diện tích 0,11 ha
- Chuyển đổi mục đích sử dụng đất vườn ao liền kề, đất nông nghiệp xen lẫn trong khu dân cư với diện tích 1,0 ha

*** Xã Dương Hòa**

- Khu dân cư trước nhà Văn hóa xã với diện tích 0,80 ha
- Giao đất lâm nghiệp với diện tích 217,0 ha
- Công trình cấp nước sạch xã Dương Hòa với diện tích 0,11 ha
- Chuyển đổi mục đích sử dụng đất vườn ao liền kề, đất nông nghiệp xen lẫn trong khu dân cư với diện tích 0,50 ha

*** Xã Phú Sơn**

- Giao đất lâm nghiệp với diện tích 15,0 ha
 - Phát triển trang trại tại xã Phú Sơn 30,0 ha
- 3.7.3.2. Các công trình, dự án có chủ trương của UBND tỉnh*

- Đài viễn thông Nam Sông Hương với diện tích 0,34 ha
- Đấu giá khu Đông Nam Thủy An với diện tích 0,43 ha
- Bãi chôn lấp chất thải rắn Phú Sơn với diện tích 5,0 ha
- Đất an ninh phòng cháy chữa cháy với diện tích 9,30 ha
- Khu công nghiệp phú bài mở rộng với diện tích 11,79 ha

3.7.3.3. Danh mục công trình, dự án thực hiện trong năm 2015 chuyển tiếp năm 2016 của thị xã

*** Phường Thủy Dương**

- Đường vào sân Golf diện tích 0,6 ha
- Khu dân cư xen ghép tổ 4 (Kiệt 2 Bùi Xuân Phái) diện tích 0,11 ha

- Khu dân cư xen ghép tổ 16 (sau lưng nhà bà Thom) diện tích 0,07 ha
- Khu dân cư xen ghép tổ 20 (tiếp giáp khu QH đã đấu đất Trường Tiểu học), diện tích 0,1 ha

*** Xã Thủy Bằng**

- Mở rộng trường THCS Thủy Bằng với diện tích 0,20 ha
- Trường mầm non Hoa Sữa với diện tích 0,7 ha
- Mở rộng trường cấp 1 Thủy Bằng với diện tích 0,4 ha

*** Xã Thủy Vân**

- Đất chuyển mục đích sang đất ở với diện tích 0,50 ha

*** Phường Thủy Phương**

- Nhà văn hóa tổ 10 diện tích 0,16 ha
- Khu dân cư tổ 14, diện tích 3,0 ha
- Mở rộng Cụm công nghiệp Thủy Phương diện tích 2,60 ha

*** Phường Thủy Châu**

- Khu thể thao tổ 15 với diện tích 0,16 ha
- Khu thể thao tổ 1, 2, 7, 13 với tổng diện tích 1,13 ha

*** Phường Phú Bài**

- Mở rộng hệ thống thoát nước đường nội thị (cống thoát nước đường Nguyễn Khoa Văn, cống nội thị) với diện tích 0,30 ha

*** Phường Thủy Lương**

- Điểm xen cư đường Trần Hoàn, diện tích 0,18 ha

*** Xã Thủy Phù**

- Khu đất phân lô ở Cồn Chạng với diện tích 1,16 ha
- Khu đất phân lô ở Bàu Quánh với diện tích 1,80 ha
- Khu đất phân lô ở Cồn Bún với diện tích 0,7 ha

*** Xã Thủy Tân**

- Khu kinh doanh dịch vụ thương mại tại khu trung tâm với diện tích 0,25 ha

*** Xã Dương Hòa**

- Phát triển trang trại tập trung. Trong đó: khu vực Lương Miêu 4 và 5 diện tích 40,00 ha (đổi vị trí)

- Xây dựng nhà văn hóa xã với diện tích 0,90 ha
- Sân vận động trung tâm xã với diện tích 1,0 ha
- Điểm dân cư xen ghép (dọc đường bê tông) thôn Hộ (đoạn từ Phan Từ Phong đến chùa Định Huệ) với diện tích 0,36 ha

3.8. Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong năm kế hoạch sử dụng đất

3.8.1. Căn cứ pháp lý hình thành các nguồn thu, chi tài chính từ đất

Xác định thu chi tài chính từ đất trong thời kỳ quy hoạch dựa vào những căn cứ chính sau:

- Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;
- Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2014 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;
- Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2014 của Chính phủ Quy định về giá đất;
- Căn cứ Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2014 của Chính phủ Quy định về thu tiền sử dụng đất;
- Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2014 của Chính phủ Quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;
- Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2014 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;
- Nghị định số 104/2014/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ quy định về khung giá đất;
- Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT, ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về Quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;
- Căn cứ Nghị quyết số 11/2014/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về Bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019;
- Quyết định 75/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 về ban hành bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế áp dụng trong thời gian 5 năm (2015-2019);
- Kế hoạch sử dụng đất năm 2016 của thị xã Hương Thủy.

3.8.2. Dự tính các nguồn thu, chi từ đất

TT	Hạng mục	Diện tích (ha)	Đơn giá TB (1 tỷ đ/ha)	Thành tiền (tỷ đồng)	Ghi chú
A	Tổng các nguồn thu	67.39		658.12	
-	Đất ở đô thị	51.84	11.3	585.83	
-	Đất ở nông thôn	15.55	4.65	72.29	
B	Tổng các nguồn chi	219.2		394.09	
-	Đền bù đất trồng lúa	69.97	1.3036	91.21	
-	Đền bù đất trồng cây hàng năm	12.94	0.8956	11.59	
-	Đền bù đất trồng cây lâu năm	11.21	0.8956	10.04	
-	Đền bù đất trồng rừng	63.61	0.2336	14.86	
-	Đền bù đất NTTS	1.74	0.726	1.26	
-	Đền bù đất ở đô thị	3.55	13.56	48.14	
-	Đền bù đất ở nông thôn	0.24	5.58	1.34	
-	Chi phí đầu tư hạ tầng	67.39	3.2	215.65	
Cân đối thu/chi				264.03	

IV. GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

4.1. Các giải pháp về kinh tế

Để thực hiện Kế hoạch sử dụng đất năm 2016 đạt kết quả tốt thị xã sẽ thực hiện các giải pháp về kinh tế sau:

- Kết hợp giữa các ngành, các lĩnh vực và các địa phương trong thị xã để xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật đảm bảo tính liên thông; phát huy lợi thế so sánh của từng xã, phường trong phát triển kinh tế - xã hội.

- Đa dạng hoá các hình thức huy động và tạo vốn trong thị xã, đây là nguồn lực có ý nghĩa quyết định về lâu dài, đảm bảo có đủ năng lực nội tại để tiếp nhận đầu tư trong và ngoài nước.

- Xây dựng chính sách ưu đãi đặc biệt để thu hút các nguồn vốn đầu tư như nguồn vốn đầu tư trực tiếp từ Trung ương, từ tỉnh, vốn tín dụng ưu đãi,... để đẩy nhanh tiến độ thực hiện các công trình, dự án.

- Tạo môi trường thuận lợi, chính sách đầu tư thông thoáng nhằm khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào thị xã.

4.2. Giải pháp cải tạo đất và bảo vệ môi trường

- Áp dụng các thành tựu khoa học kỹ thuật để thâm canh, thay đổi cơ cấu cây trồng đảm bảo phát triển bền vững.

- Kết hợp nông - lâm nghiệp - thủy sản để nâng cao hiệu quả sử dụng đất.

- Có giải pháp kỹ thuật giảm thiểu tính độc hại của các loại chất thải đồng thời có các biện pháp xử lý, tránh gây ô nhiễm môi trường đất, phá huỷ cân bằng hệ sinh thái trong việc bố trí đất cho khu công nghiệp và các khu vực sản xuất kinh doanh.

- Tăng cường giáo dục môi trường và nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho mọi tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư trên địa bàn thị xã. Bảo vệ nghiêm ngặt rừng đầu nguồn, bảo vệ môi trường và nguồn nước.

4.3. Giải pháp về tổ chức thực hiện

- Chỉ đạo các ngành, các cấp rà soát danh mục các công trình dự án của năm kế hoạch 2016 để tiến hành xây dựng quy hoạch chi tiết và xem xét thực hiện việc khảo sát đo đạc, cắm mốc và đền bù thu hồi đất theo từng dự án, công trình, nhằm khắc phục tình trạng triển khai chậm do ách tắc bởi công tác bồi hoàn.

- UBND thị xã và UBND các phường, xã, các ban ngành có liên quan rà soát danh mục các công trình, phân loại cụ thể từng mục đích sử dụng đất, xác định cụ thể đối tượng đầu tư nhằm chủ động trong việc mời gọi vốn đầu tư

- Giao trách nhiệm cho Phòng Tài nguyên và Môi trường thường xuyên tổ chức tập huấn chuyên môn về công tác quản lý và thực hiện kế hoạch đối với cán bộ cấp cơ sở và UBND các phường, xã để nâng cao năng lực quản lý. Đồng thời giúp cán bộ cơ sở có nhận thức chính xác hơn về mục đích và vai trò của kế hoạch sử dụng đất trong quản lý đất đai.

- Các ban ngành, UBND các phường, xã phối hợp chặt chẽ trong việc xây dựng kế hoạch thực hiện ngân sách cho các hạng mục công trình đầu tư theo đúng tiến độ trong kỳ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

- Tăng cường quản lý việc thực hiện đánh giá tác động môi trường đối với các dự án đầu tư trên địa bàn thị xã, thường xuyên kiểm tra giám sát hoạt động bảo vệ môi trường của các cơ sở sản xuất kinh doanh, Khu công nghiệp nhằm góp phần bảo vệ môi trường sinh thái.

- Sau khi kế hoạch sử dụng đất năm 2016 của thị xã Hương Thủy được UBND tỉnh phê duyệt, UBND thị xã Hương Thủy giao cho Phòng Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp với UBND các phường, xã và các ngành tổ chức công khai kế hoạch, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng để các cấp, các ngành và nhân dân tham gia quản lý, kiểm tra việc tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất.

- Xác định ranh giới trên bản đồ và công khai diện tích đất trồng lúa, đất rừng, đất quốc phòng, đất an ninh, đất khu công nghiệp...

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt và ban hành kịp thời các văn bản theo thẩm quyền có liên quan đến quản lý, sử dụng đất đai theo kế hoạch sử dụng đất. Kiên quyết xử lý các trường hợp vi phạm theo quy định của pháp luật.

- Giám sát chặt chẽ việc lấy đất chuyên lúa, đất có khả năng nông nghiệp cao, đất có rừng sang làm mặt bằng đầu tư sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

I. KẾT LUẬN

Kế hoạch sử dụng đất năm 2016 của thị xã Hương Thủy là cơ sở để thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất gắn với nhu cầu sử dụng đất trong năm 2016 của các ngành, lĩnh vực, của các cấp, phù hợp với khả năng đầu tư và huy động nguồn lực, khắc phục lãng phí trong việc giao đất cho thuê đất để thực hiện dự án đầu tư trên địa bàn thị xã.

Kế hoạch sử dụng đất năm 2016 của thị xã Hương Thủy thể hiện định hướng sử dụng đất trên địa bàn thị xã, thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và ổn định chính trị, đồng thời là công cụ quan trọng để cho UBND thị xã Hương Thủy thực hiện việc quản lý toàn bộ đất đai theo quy hoạch, kế hoạch và pháp luật.

“Xác định vị trí, diện tích đất phải thu hồi để thực hiện công trình, dự án sử dụng đất vào mục đích quy định tại Điều 61 và Điều 62 của Luật Đất đai trong năm kế hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp xã. Đối với dự án hạ tầng kỹ thuật, xây dựng, chỉnh trang đô thị, khu dân cư nông thôn thì phải đồng thời xác định vị trí, diện tích đất thu hồi trong vùng phụ cận để đấu giá quyền sử dụng đất thực hiện dự án nhà ở, thương mại, dịch vụ, sản xuất, kinh doanh”.

Kế hoạch sử dụng đất năm 2016 của thị xã Hương Thủy là căn cứ để điều chỉnh phân bố lại dân cư, lao động, khai thác sử dụng hợp lý, có hiệu quả tài nguyên đất, lao động trên từng địa bàn lãnh thổ, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và chất lượng cuộc sống của các tầng lớp dân cư.

II. KIẾN NGHỊ

Để thực hiện đạt kết quả cao Kế hoạch sử dụng đất năm 2016 của thị xã Hương Thủy, kiến nghị:

- Tăng cường sự phối hợp giữa kế hoạch phát triển kinh tế, phát triển đô thị, đầu tư hạ tầng kỹ thuật với kế hoạch sử dụng đất qua các giai đoạn và hàng năm để nâng cao tính thực tiễn, hiệu quả sử dụng đất. Đưa các chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất vào hệ thống các chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của thị xã Hương Thủy.

- Đầu tư đồng bộ kết cấu xây dựng cơ sở hạ tầng với phát triển đô thị, ưu tiên dành đất cho các nhu cầu bắt buộc nhằm phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh trên cơ sở ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sử dụng đất bền vững.

- Thông qua danh mục dự án cần thu hồi đất trong kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện, thị xã, thành phố và thẩm quyền phê duyệt kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện, thị xã, thành phố là “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua danh mục dự án cần thu hồi đất quy định tại khoản 3 Điều 62 của Luật này trước khi phê duyệt kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện” (khoản 3 Điều 45) nhằm nâng cao trách nhiệm trong việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, đảm bảo quản lý chặt chẽ và sử dụng tiết kiệm, hiệu quả nguồn tài nguyên đất đai.

Đề nghị UBND tỉnh Thừa Thiên Huế xem xét, phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2016 của thị xã Hương Thủy để Ủy ban nhân dân thị xã có cơ sở thực hiện vai trò quản lý nhà nước về đất đai của địa phương./.

(Kèm theo hệ thống bảng biểu)

HỆ THỐNG BIỂU SỐ LIỆU
TRONG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2016
THỊ XÃ HƯƠNG THỦY, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ
(Kèm theo Báo cáo thuyết minh tổng hợp Kế hoạch sử dụng đất năm 2016)